

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đắk Lắk, tháng 10 - 2021

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH SỰ PHẠM HÓA HỌC

(kèm theo quyết định số 1156/QĐ-ĐHTN ngày 22/06/2020 của Hiệu trưởng trường
Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	PGS-TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3.	TS. Nguyễn Văn Bồng	P. Trưởng Khoa (PTC)	Phó chủ tịch HĐ	
4.	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó Trưởng Bộ môn Hóa	Thư ký	
5.	TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại Học	Thành viên	
6.	PGS-TS. Lê Đức Niêm	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
7.	PGS-TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	Đại diện HĐ Khoa học và Đào tạo	Thành viên	
8.	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên	
9.	ThS. Phạm Quốc Duy	PTP. CSVC	Thành viên	
10.	TS. Nguyễn Đình Sỹ	PTP. KH&QHQT	Thành viên	
11.	ThS. Ngô Thị Hiếu	PTP. Tổ chức cán bộ	Thành viên	
12.	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. Công tác SV	Thành viên	
13.	ThS. Dương Quốc Huy	Phó Trưởng Bộ môn Toán	Thành viên	
14.	TS. Lê Minh Tân	Trưởng Bộ môn Vật Lý	Thành viên	
15.	ThS. Phạm Thị Bé	GV	Thành viên	
16.	ThS. Ninh Thị Minh Giang	GV	Thành viên	
17.	ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	GV	Thành viên	
18.	TS. Phan Tứ Quý	GV	Thành viên	
19.	ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	GV	Thành viên	
20.	ThS. Đinh Thị Xuân Thảo	GV	Thành viên	
21.	Đinh Thị Phương Hiền	SV	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	8
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ HÌNH ẢNH	9
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung	3
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
Mở đầu.....	16
Tiêu chí 1.1.	16
Tiêu chí 1.2.	18
Tiêu chí 1.3.	21
Kết luận về tiêu chuẩn 1	23
TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	24
Mở đầu.....	24
Tiêu chí 2.1.	24
Tiêu chí 2.2.	26
Tiêu chí 2.3.	28
Kết luận tiêu chuẩn 2.....	30
TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	31
Mở đầu.....	31
Tiêu chí 3.1.	31
Tiêu chí 3.2.	35
Tiêu chí 3.3.	38
Kết luận về tiêu chuẩn 3	41
TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	42
Mở đầu.....	42
Tiêu chí 4.1.	42

Tiêu chí 4.2.	44
Tiêu chí 4.3.	48
Kết luận về tiêu chuẩn 4	50
TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	51
Mở đầu.....	51
Tiêu chí 5.1	51
Tiêu chí 5.2	54
Tiêu chí 5.3	56
Tiêu chí 5.4	57
Tiêu chí 5.5	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	60
TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	60
Mở đầu.....	60
Tiêu chí 6.1:	60
Tiêu chí: 6.2	64
Tiêu chí: 6.3.	66
Tiêu chí: 6.4.	67
Tiêu chí 6.5	69
Tiêu chí 6.6.	71
Tiêu chí 6.7	73
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	74
TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN.....	75
Mở đầu.....	75
Tiêu chí 7.1.	75
Tiêu chí 7.2.	77
Tiêu chí 7.3.	79
Tiêu chí 7.4.	81
Tiêu chí 7.5	82
Kết luận của tiêu chuẩn 7.....	83
TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC .	84
Mở đầu.....	84
Tiêu chí 8.1.	84

Tiêu chí 8.2.	87
Tiêu chí 8.3.	88
Tiêu chí 8.5.	93
Kết luận về tiêu chuẩn 8	94
TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	95
Mở đầu.....	95
Tiêu chí 9.1..	95
Tiêu chí 9.2:	97
Tiêu chí 9.3:	99
Tiêu chí 9.4:	101
Tiêu chí 9.5:	102
Kết luận về tiêu chuẩn 9	104
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	104
Mở đầu.....	104
Tiêu chí 10.1.	105
Tiêu chí 10.2.	107
Tiêu chí 10.3.	110
Tiêu chí 10.4.	113
Tiêu chí 10.5.	117
Tiêu chí 10.6.	119
Kết luận về tiêu chuẩn 10	120
TIÊU CHUẨN 11. CHUẨN ĐẦU RA	120
Mở đầu.....	120
Tiêu chí 11.1	120
Tiêu chí 11.2.	122
Tiêu chí 11.3	124
Tiêu chí 11.4.	126
Tiêu chí 11.5.	128
Kết luận về tiêu chuẩn 11	131
PHẦN III. KẾT LUẬN	132
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	1

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
STT	Số thứ tự
ĐHTN	Đại học Tây Nguyên
CTĐT	Chương trình đào tạo
KHTN&CN	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ
SPHH	SPHH
TĐG	Tự đánh giá
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CSVC	Cơ sở vật chất
KT-XH	Kinh tế - xã hội
ĐU	Đảng ủy
BGH	Ban Giám hiệu
HĐT	Hội đồng trường
VLVH	Vừa làm vừa học
NCS	NCS
SDH	Sau Đại học
SV	Sinh viên
GV	Giảng viên
ĐTĐH	Đào tạo đại học
HTQT	Hợp tác quốc tế
CLĐT	Chất lượng đào tạo
CĐR	Chuẩn đầu ra
GDĐH	Giáo dục đại học
KL/CĐ	Khóa luận/Chuyên đề
QLCL	Quản lý chất lượng
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
KQHT	Kết quả học tập
TĐKT	Thi đua khen thưởng

CBVC	Cán bộ viên chức
CBGV	Cán bộ GV
NLD	Người lao động
THPT	Trung học phổ thông
KHHT	Kế hoạch học tập
TTHTSV	Trung tâm hỗ trợ SV
KH&QH QT	Khoa học và Quan hệ quốc tế
CVHT	Cố vấn học tập
KTX	Ký túc xá
TTGDQP	Trung tâm giáo dục quốc phòng
YKPH	Ý kiến phản hồi
CTDH	Chương trình dạy học

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD	17
Bảng 6.1. Bảng thống kê số GV trong 5 năm	63
Bảng 6.4. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiêm cứu khoa học	73
Bảng 10.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây	114
Bảng 10.2. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:	114

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ HÌNH ẢNH

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý của Trường Đại học Tây Nguyên.....	6
Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Trường	6

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ với nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ đại học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội toàn vùng Tây Nguyên. Trong suốt hơn 40 năm qua, Trường Đại học Tây Nguyên đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Với tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên xác định sẽ là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Trong bối cảnh đó, cùng với xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng trở nên bức thiết.

Trường Đại học Tây Nguyên đã đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành SPHH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo (Bộ GD&ĐT) và Hướng dẫn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định Chất lượng Giáo dục.

Trong quá trình triển khai công việc, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT đại học ngành SPHH nhằm chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Bên cạnh đó, việc tự đánh giá CTĐT còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của các cơ quan chức năng.

Thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành SPHH, Hội đồng tự đánh giá bao gồm các thành viên là đại diện của các phòng chức năng, đại diện GV có uy tín tham gia các hoạt động đào tạo và NCKH có liên quan đến chương trình đào tạo ngành SPHH; đại diện SV của chương trình đào tạo ngành SPHH.

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá ngành SPHH gồm có 4 phần, cụ thể như sau:

Phần I. Khái quát

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. Đây là phần tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí, cụ thể gồm có:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV và nghiên cứu viên

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Phần III. Kết luận

Phần IV. Phụ lục

Về phương pháp mã hóa minh chứng, trong báo cáo này, mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức Hn.ab.cd.ef. Trong đó, H là viết tắt “Hộp minh chứng”, n là số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên), ab là số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10), cd là số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01), ef là số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

Báo cáo tự đánh giá ngành SPHH đã xác định, **mục đích tự đánh giá CTĐT** lần này là để nâng cao chất lượng CTĐT ngành SPHH thuộc Khoa KHTN&CN và các hoạt động NCKH, đăng ký kiểm định chất lượng.

Báo cáo xác định phạm vi tự đánh giá CTĐT ngành SPHH thuộc Khoa KHTN&CN của Trường ĐHTN từ năm 2016 đến năm 2020.

Bộ công cụ đánh giá được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016.

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 11565/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 06 năm 2020. Hội đồng gồm có 21 thành viên. Có 07 thành viên thuộc Ban Thư kí và có 5 nhóm công tác chuyên trách được thành lập để giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá được thực hiện theo quy trình tự đánh giá CTĐT của Trường ĐHTN với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT- BGDDT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá CTĐT được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- 1) Mô tả thực trạng;
- 2) Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- 3) Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

Báo cáo tự đánh giá này được thực hiện theo quy trình tự đánh giá 9 bước, cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;

Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;

Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Trường Đại học Tây Nguyên

1.2.1.1. Thông tin chung về Trường Đại học Tây Nguyên

- Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

- Quyết định thành lập trường: Theo quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên.
- Tên tiếng Anh: **TAY NGUYEN UNIVERSITY**
- Tên viết tắt: **TNU**
- Cơ quan chủ quản: **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
- Loại hình trường: **Công lập**
- Địa chỉ trường: Số 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Số điện thoại liên hệ: 0262. 3825 185 Fax: (84) 0262. 3825 184
- Website: <http://www.ttn.edu.vn>

1.2.1.2. Giới thiệu về Trường Đại học Tây Nguyên

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ.

- Chức năng:

Đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và sau đại học phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH khu vực Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung; NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ các địa phương Tây Nguyên trong công tác giáo dục, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phù hợp với điều kiện của Tây Nguyên; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá các dân tộc.

- Nhiệm vụ:

Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; thực hiện NCKH và chuyển giao công nghệ; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phù hợp với điều kiện của Tây Nguyên; hỗ trợ các địa phương Tây Nguyên trong công tác giáo dục, quản lý kinh tế, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc. Kết hợp tốt giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và NCKH kỹ thuật, đồng thời không ngừng chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của học sinh, SV và học viên. Tạo điều kiện thuận lợi cho SV, học viên, khuyến khích con em các dân tộc Tây Nguyên ham học và học giỏi để trở thành những người có tài năng, những cán bộ có năng lực trong sự nghiệp xây dựng đời sống mới, xã hội chủ nghĩa ở Tây Nguyên.

Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ X, nhiệm kỳ 2015- 2020 đã xác định nhiệm vụ: “... *Tăng cường hoạt động NCKH phục vụ đào tạo và phát triển KT-XH của địa phương, khu vực; tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học - công nghệ. Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với các trường đại học và các tổ chức quốc tế để trao đổi chương trình; đào tạo bồi dưỡng cán bộ; thu hút nguồn lực cho sự phát triển của Nhà trường. Tăng cường và đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư, xây dựng CSVC, trang thiết bị đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của CBVC và HSSV. Không ngừng củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong Nhà trường; Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ cán bộ, GV đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hoá về trình độ*”.

- *Tầm nhìn*: “Đến năm 2030, trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực: y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”.

- *Sứ mạng*: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển KT-XH. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

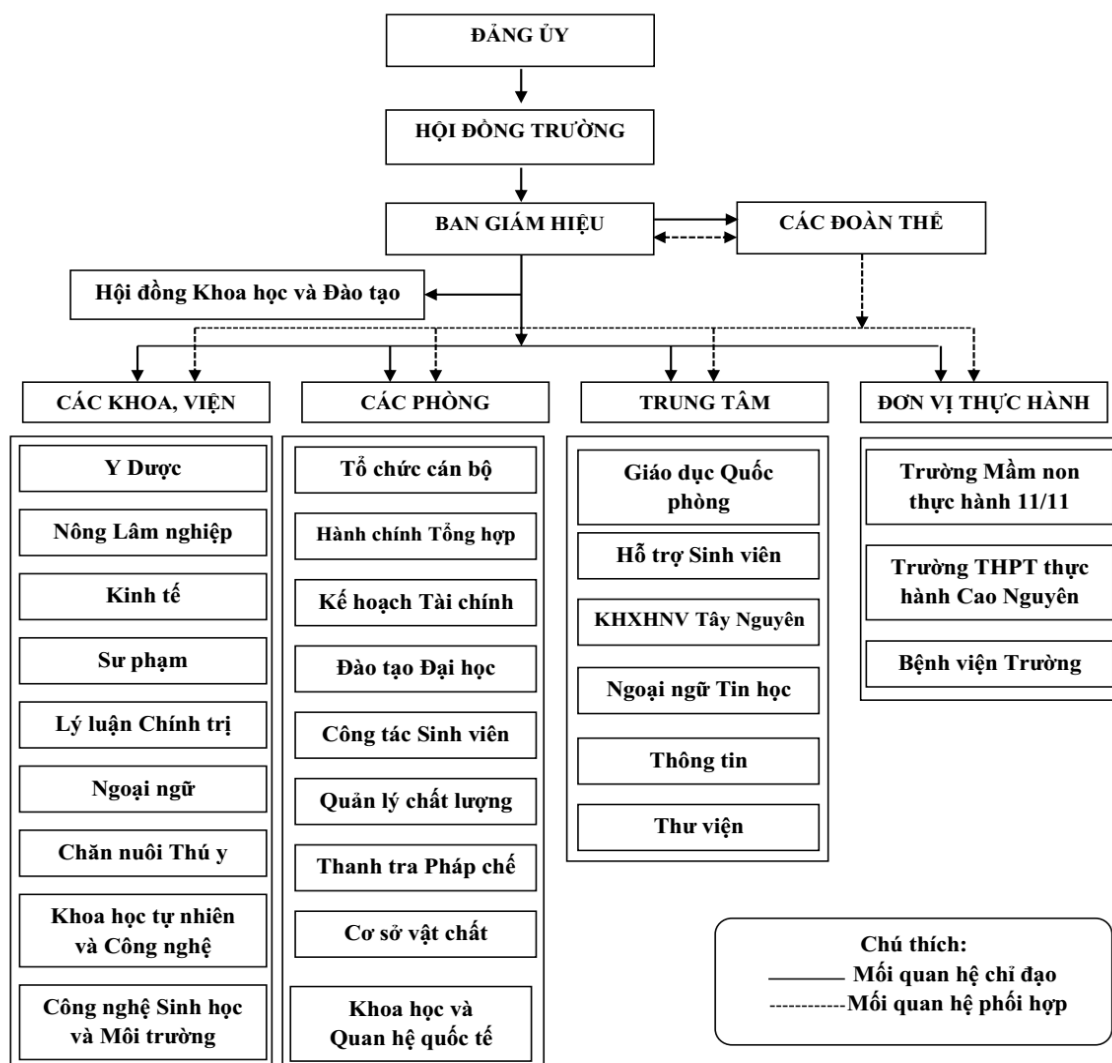
- *Giá trị cốt lõi*: “Sáng tạo trong học tập và NCKH; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và HTQT là giá trị cho sự phát triển”.

- *Triết lý giáo dục*: ”Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”.

Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 và thống nhất đất nước, sự ra đời của trường ĐHTN là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước ta với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Những bước phát triển của trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo cùng với sự phát triển kinh tế- văn hoá - xã hội của nước ta.

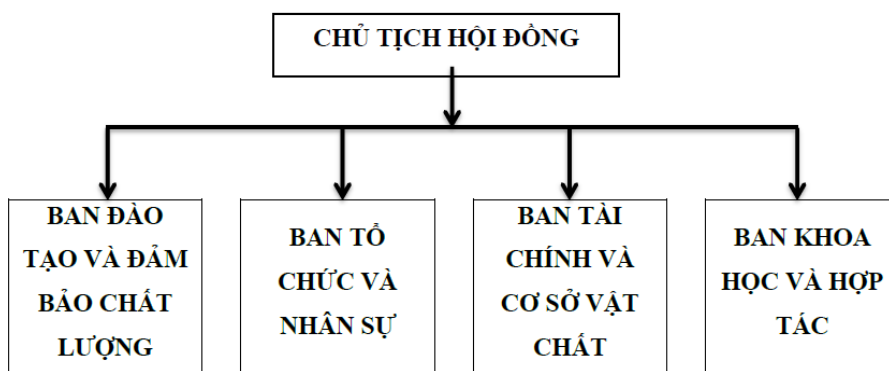
1.2.2.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Nhà trường

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường ĐHTN được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý của Trường Đại học Tây Nguyên

Về đội ngũ cán bộ, GV và cán bộ quản lý của Nhà trường: Tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2020, tổng số cán bộ viên chức của Trường là 671; trong đó có 490 GV. Trong đó gồm 01 giáo sư, 17 phó giáo sư, 83 tiến sĩ, 303 thạc sĩ, 07 bác sĩ chuyên khoa I, 04 bác sĩ chuyên khoa II, 05 giáo viên mầm non, 18 GV cao cấp, 113 GV chính, 31 giáo viên trung học, 30 người là dân tộc thiểu số.



Sơ đồ 2: Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Trường

1.2.2.4. Quy mô và ngành đào tạo của trường

Trường Đại học Tây Nguyên là một Trường đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của các tỉnh Tây Nguyên và cho đất nước, cụ thể là:

** Các cấp học và trình độ đào tạo của Nhà trường:*

	Có	Không
Đào tạo tiến sĩ	☒	☐
Đào tạo thạc sĩ	☒	☐
Đào tạo đại học	☒	☐
Đào tạo cao đẳng	☐	☒
Đào tạo TCCN	☐	☒

** Các loại hình đào tạo của Nhà trường*

Loại hình đào tạo	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Vừa làm vừa học	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

** Số lượng ngành/ chuyên ngành đào tạo*

- Số lượng chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ: 05
- Số lượng chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ: 11
- Số lượng chuyên ngành đào tạo trình độ chuyên khoa I: 01
- Số lượng ngành đào tạo Đại học chính quy: 36
- Số lượng chuyên ngành liên kết đào tạo thạc sĩ, chuyên khoa I, II: 30

Nhà trường hiện đang đào tạo 05 chuyên ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 36 chuyên ngành đại học và 09 chuyên ngành liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy và 19 chuyên ngành hệ VLVH, 09 chuyên ngành liên thông từ trung cấp lên đại học hệ chính quy và 10 chuyên ngành ở hệ VLVH với quy mô gần 10.000 người gồm NCS, học viên cao học, SV và học sinh (hệ chính quy và hệ VLVH).

1.2.2.5. Thành tựu của trường Đại học Tây Nguyên

Được thành lập từ năm 1977, Trường Đại học Tây Nguyên đã thực sự trở thành một trường đại học quan trọng của khu vực, không những đủ sức đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao mà còn là một trung tâm văn hoá, khoa học công nghệ của các tỉnh Tây Nguyên và vùng Duyên hải miền Trung.

Nhà trường đã có bề dày lịch sử và kinh nghiệm 44 năm đào tạo với hàng chục ngàn kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, cử nhân, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa I và tiến sĩ. Hầu hết, nguồn nhân lực do Nhà trường đào tạo ra đều đã có việc làm ổn định trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tổ chức kinh tế. Trong số đó, có rất nhiều người đã trở thành những nhà lãnh đạo, những cán bộ chủ chốt của các cơ quan cấp tỉnh, Sở, huyện và ở các tỉnh Tây Nguyên và trên cả nước. Đặc biệt, trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về KT-XH của các tỉnh Tây Nguyên, nhu cầu nguồn nhân lực cần thiết, số lượng SV, học viên do Nhà trường đào tạo ra đều đã nhanh chóng được tuyển dụng, bổ nhiệm và tìm được vị trí thích hợp ở các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tính đến tháng 9 năm 2020, Nhà trường đã đào tạo được trên 27.000 kỹ sư, bác sĩ, giáo viên, cử nhân, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa I và tiến sĩ các ngành, trong đó có trên 3.000 là người dân tộc thiểu số.

Đến nay, Trường ĐHTN đã triển khai hơn 32 dự án quốc tế. Các dự án đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của chính quyền địa phương trong nâng cao hiệu quả sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận không nhỏ người dân địa phương và đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các vùng sâu, vùng xa và đào tạo một số lượng lớn cán bộ kỹ thuật, CGCN, tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, góp phần phát triển KT-XH một cách bền vững. Ký kết 18 biên bản hợp tác và ghi nhớ với đối tác quốc tế là các trường, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước có trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại như Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hà Lan... Đặc biệt, từ năm 2008 đã tiếp nhận đào tạo, hướng dẫn thực tập cho SV nước ngoài như: Lào, Mexico, Pháp, Đức, Hàn Quốc,...

Với thành tích đạt được trong quá trình xây dựng và trưởng thành, trường Đại học Tây Nguyên đã được Đảng và Nhà nước trao tặng các danh hiệu:

- Huân chương Lao động hạng Ba, năm 1985

- Huân chương Lao động hạng Nhì, năm 1997
- Huân chương Lao động hạng Nhất, năm 2007
- Huân chương Độc lập hạng Ba, năm 2012 và nhiều Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, ...

1.2.2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường

a. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của trường Đại học Tây Nguyên và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà trường

Trường ĐHTN là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT; được đảm bảo 100% kinh phí hoạt động theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Thông tư Liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ GDĐT,... Các hoạt động của Nhà trường đều thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 02/12/2019 về ban hành quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường ĐHTN.

Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT Việt Nam (Nghị quyết 29); Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29 và kỳ họp thứ 8, Quốc Hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông,... Những quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục đã tác động mạnh mẽ, làm thay đổi định hướng phát triển các hoạt động của Nhà trường.

b. Mô tả những thách thức chính mà trường Đại học Tây Nguyên gặp phải và kế hoạch của Nhà trường để khắc phục những thách thức đó

Trường ĐHTN cơ bản đã có đội ngũ GV cơ hữu đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường. Nhà trường có vai trò hết sức quan trọng đối với sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên nói riêng và đất nước nói chung. Tuy nhiên, trong xu thế đổi mới về cơ chế quản lý đơn vị sự nghiệp công lập, trước yêu cầu phát triển của đất nước, của ngành, Nhà trường còn gặp những thách thức, cụ thể:

- Về công tác đào tạo, tuyển sinh: Trong vài năm gần đây một số ngành tuyển sinh không đủ chỉ tiêu như: Ngành Lâm sinh, Tài nguyên rừng, Sinh học, Bảo quản

ché biến,... Nguyên nhân do nhu cầu thị trường lao động của ngành nghề này giảm và một số chính sách của Nhà nước thay đổi; do định hướng nghề nghiệp không đúng dẫn đến động cơ học tập không tốt dẫn đến số SV tốt nghiệp một số ngành một số ngành trên chiếm tỷ lệ thấp so với các năm trước.

- Về đội ngũ: Nhiều GV có trình độ tiến sĩ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ, một số khác chuyển công tác do nhu cầu của cá nhân; việc tuyển dụng đội ngũ GV mới có trình độ cao gặp khó khăn, dẫn đến tình trạng thiếu hụt đội ngũ GV; Cơ cấu về trình độ chuyên môn giữa các lĩnh vực đào tạo đang còn chênh lệch, tỷ lệ GV có trình độ PGS, tiến sĩ tập trung chủ yếu ở các khoa: Chăn nuôi thú y, Nông Lâm nghiệp và Khoa học tự nhiên và Công nghệ. Khoa Y Dược số GV có trình độ cao còn ít; chưa có chính sách thu hút, đãi ngộ đối với chuyên gia giỏi, nghiên cứu viên, GV có học hàm, học vị cao, có uy tín và kinh nghiệm công tác; Một vài GV được cử đi NCS nước ngoài sau khi tốt nghiệp không trở về trường công tác. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám và thiếu hụt đội ngũ.

- Về tài chính: Nguồn thu ngân sách và thu sự nghiệp còn thấp, các hoạt động NCKH, dự án hợp tác, các dịch vụ đào tạo tư vấn chưa nhiều, chưa đem lại nguồn thu đáng kể để bổ sung và tăng nguồn kinh phí hoạt động cho Nhà trường. Nhà trường chủ yếu đào tạo SV ở khu vực Tây Nguyên, SV thuộc diện chính sách, SV dân tộc thiểu số và SV của Lào, Campuchia nên nguồn thu kinh phí thấp. Theo chủ trương của Bộ GDĐT đến năm 2021 thực hiện tự chủ của các trường đại học, trường ĐHTN sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức trong hoạt động tài chính.

Từ những thách thức trên, ĐU, BGH Nhà trường có các kế hoạch khắc phục, cụ thể:

Về công tác tuyển sinh, đào tạo: Thành lập Ban tư vấn tuyển sinh, trong đó lãnh đạo trường sẽ trực tiếp tham gia tư vấn cho các em học sinh để đăng ký vào trường và tư vấn tuyển sinh các ngành ĐTSĐH; rà soát, điều chỉnh các CTĐT phù hợp với thực tiễn; chú trọng tổ chức mở các lớp đào tạo ngắn hạn, mở một số ngành ĐTDH và sau đại học mới đáp ứng nhu cầu của xã hội; nâng cao chất lượng các hoạt động NCKH nhằm CGCN; mở rộng HTQT nhằm trao đổi đào tạo, hướng dẫn khóa luận học viên sau đại học và hướng dẫn SV thực hành nông nghiệp công nghệ cao tại các nước phát triển. Đồng thời Nhà trường có cơ hội tiếp nhận SV quốc tế đến học tập tại

trường,...Tất cả các hoạt động, Nhà trường xác định lấy chất lượng, uy tín trong đào tạo làm mục tiêu hàng đầu.

- Về đội ngũ: Tiếp tục bổ sung các quy định về chuẩn hoá đội ngũ GV, cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, đảm bảo tiêu chuẩn cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu; Tăng tỷ lệ cán bộ được bồi dưỡng, đào tạo ở nước ngoài. Quy chuẩn trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học cho các loại hình viên chức. Hoàn thiện, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hành chính theo các tiêu chuẩn công chức nhà nước; tổ chức các lớp dạy ngoại ngữ, tin học và quản lý tại trường để nhiều người có cơ hội học tập, nâng cao trình độ; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để GV đi học sau đại học, ưu tiên cán bộ trẻ đi học ở nước ngoài. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng bộ môn, từng môn học để GV đi ĐTSDH, nhất là đào tạo tiến sĩ. Điều chỉnh lại kinh phí hỗ trợ đối với GV đi học sau đại học; đặt chỉ tiêu đối với các GV có học vị tiến sĩ phấn đấu có nhiều GV đạt học hàm PGS, Giáo sư.

- Về tài chính: Huy động mọi nguồn lực một cách hợp pháp để đảm bảo chi tiêu cho các hoạt động GDĐT của trường; xây dựng các dự án khả thi trong chiến lược xây dựng và phát triển Nhà trường để Nhà nước đầu tư; đa dạng các loại hình đào tạo để tăng nhanh nguồn thu từ quỹ học phí; tăng cường các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao KHCN, tăng nguồn thu từ các chương trình, dự án; có cơ chế liên kết, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường để đầu tư trang thiết bị phục vụ NCKH của trường, điều trị ở bệnh viện trường, ...; chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, giám sát và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu; hoàn thiện cơ chế phân cấp tài chính đối với các đơn vị trực thuộc trường.

c. Điểm mạnh và cơ hội của trường Đại học Tây Nguyên và cách tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

*** Điểm mạnh:**

- Trường ĐHTN là một trường đa ngành, đa lĩnh vực và hình thức đào tạo, trong đó thế mạnh của trường là các ngành Y dược, Kinh tế, Nông lâm, Chăn nuôi thú y.

- Đội ngũ cán bộ đáp ứng với nhu cầu đào tạo. Số GV có trình độ ThS, TS tốt nghiệp ở nước ngoài ngày càng tăng, đây là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động HTQT trong đào tạo và NCKH. GV có trình độ cao ngày càng được trẻ hóa.

- CTĐT theo hệ thống tín chỉ đã được áp dụng từ năm 2009, thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn xã hội.

- Trường ra đời đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên nói riêng, cả nước nói chung, là nhân tố hàng đầu nâng cao trình độ dân trí cho các dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên. Qua hơn 44 năm đào tạo trường đã đáp ứng các yêu cầu đặt ra, nhiều SV của trường tham gia vào bộ máy quản lý các cấp.

- CSVC kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng KHCN trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản. CSVC phục vụ nội trú, thể thao, văn hóa về cơ bản đáp ứng nhu cầu của SV.

- Công tác NCKH và CGCN đạt nhiều thành tựu, đặc biệt đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, kinh tế, nông lâm nghiệp, chăn nuôi thú y và khoa học xã hội khu vực Tây Nguyên. Đối tác đã được thiết lập đáng tin cậy, trải rộng và hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng được cơ chế hoạt động trong Nhà trường đúng theo quy định của Nhà nước, tạo điều kiện cho các đơn vị hoạt động hiệu quả.

- Có năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế. Có năng lực và kinh nghiệm xây dựng, triển khai dự án HTQT.

- Tạp chí khoa học của Nhà trường ngày càng có uy tín, bài báo về các lĩnh vực y tế, chăn nuôi, thú y, sinh, kinh tế... được đánh giá tốt và có thang điểm NCKH cao.

- Nhà trường luôn thực hiện đổi mới, cầu thị, đoàn kết.

- Địa bàn Tây Nguyên là nơi có văn hóa các tộc người đặc sắc.

*** Cơ hội:**

- Luật Giáo dục đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho trường đại học.

- Đảng và Nhà nước đã và đang có nhiều chính sách ưu tiên phát triển kinh tế, xã hội cho vùng Tây Nguyên và Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP. Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng; hòa nhập, toàn cầu hóa, tăng cường giao lưu quốc tế sẽ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trao đổi học thuật, chia sẻ thông tin cho các nhà khoa học trong trường.

- KT-XH tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông tác động tích cực đến quản trị, điều hành, học tập.

- Văn hóa chất lượng, văn hóa ứng xử và hoạt động quản trị học tập bắt đầu được chú ý.

- Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng.
- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.
- Mối liên kết giữa trường đại học với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.
- Lợi thế về vai trò, điều kiện thiên nhiên, môi trường của khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh chung toàn quốc.

1.2.3. Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ được thành lập theo Quyết định Số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19/12/2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên, trên cơ sở tách ra từ khoa Sư phạm, với 6 bộ môn: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, Công nghệ Môi trường.

Chức năng của Khoa KHTN&CN là một khoa chuyên ngành đào tạo cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học thuộc khối khoa học tự nhiên và đào tạo một số ngành công nghệ: Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật môi trường, đồng thời khoa cũng có thêm chức năng giảng dạy các học phần đại cương thuộc các lĩnh vực: Toán học; Vật lý; Hoá học; Sinh học và Tin học cho các Khoa đào tạo khác của trường.

Nhiệm vụ của Khoa:

1. Đào tạo trình độ đại học cho 8 chuyên ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật Lý, SPHH, Sư phạm Sinh học, Cử nhân Sinh học, Cử nhân Tin học, Công nghệ sinh học và Công nghệ kỹ thuật môi trường.

2. Quản lý 3 chuyên ngành đào tạo sau đại học: Cao học Sinh học thực nghiệm, Cao học toán giải tích, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (bắt đầu đào tạo từ khóa 2019-2020).

3. Dạy các môn đại cương thuộc các lĩnh vực: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Môi trường và Tin học cho các ngành khác trong toàn trường.

Tính đến hết ngày 30/10/2020. Khoa có 70 cán bộ viên chức, trong đó, có 02 Phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 45 Thạc sĩ, 08 Cử nhân, 01 kỹ sư và 01 có trình độ cao đẳng.

Qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, khoa có hơn 1.217 SV chính quy học tại các chuyên ngành khác nhau. Ngoài ra, khoa cũng đang đào tạo 03 chuyên ngành

sau đại học là: Cao học toán giải tích (92 học viên đã tốt nghiệp và 91 học viên đang học); Cao học sinh học thực nghiệm (166 học viên đã tốt nghiệp và 29 học viên đang học), Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (bắt đầu đào tạo từ khóa 2019-2020 có 07 học viên).. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường năm sau cao hơn năm trước, hàng năm, tỷ lệ SV tốt nghiệp loại khá và giỏi từ 5 - 10%. Nhiều SV ra trường đã được giữ các vị trí cán bộ chủ chốt trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp của khu vực Tây Nguyên và các vùng khác lân cận.

Hoạt động NCKH của khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ đang theo hướng tích cực. Trong 05 năm gần đây, các cán bộ giảng dạy cơ hữu của khoa tham gia đào tạo chương trình thạc sĩ đã thực hiện nhiều đề tài dự án khoa học công nghệ các cấp, trong đó, có 04 đề tài cấp nhà nước, 08 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp Tỉnh, 56 đề tài cấp Cơ sở. Thông qua các kết quả nghiên cứu của đề tài, các cán bộ đã công bố trên 147 bài báo khoa học trên tạp chí trong nước, 106 bài báo quốc tế, cán bộ Khoa tham gia 64 hội thảo trong nước, 25 hội thảo Quốc tế, 64 hội thảo Quốc gia và 21 giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo.

Bên cạnh lực lượng giáo viên cơ hữu, Khoa đã và sẽ tiếp tục hợp tác giảng dạy và trao đổi chuyên môn với các GV có trình độ chuyên môn cao của các trường đại học trong và ngoài vùng. Đây là một hướng đi phù hợp với xu thế hội nhập của toàn xã hội nhằm từng bước nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng GV và chất lượng đào tạo của trường.

1.2.4. Bộ môn Hóa học

Bộ môn Hóa học được thành lập vào năm 1977 từ những ngày đầu thành lập trường.

Bộ môn phụ trách giảng dạy và NCKH các lĩnh vực kiến thức chuyên môn của Hóa hữu cơ, Hóa lý và hóa lý thuyết, Hóa đại cương, Tham gia đào tạo chính thức ngành SPHH và kiến thức hóa Đại cương cho các ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật môi trường, y đa khoa, dự bị Đại học, Công nghệ Sinh học,...

Tính đến ngày 30/12/2020, Bộ môn Hóa học có 11 cán bộ, trong đó: 3 tiến sĩ, 1 NCS trong nước, 4 thạc sĩ, 1 cử nhân (đang học Cao học) và 2 kỹ thuật viên phòng thí nghiệm.

Bộ môn đã xác định rõ vai trò quan trọng bậc nhất là góp phần đào tạo cử nhân SPHH. Đồng thời, bộ môn có nhiệm vụ đào tạo về kiến thức Hóa Đại cương Cơ sở cho các ngành thuộc khối không chuyên thuộc trường Đại học Tây Nguyên.

Từ năm 2006, trường Đại học Tây Nguyên bắt đầu được tuyển sinh đào tạo ngành Sư phạm Hoá học, cho đến nay đã có 14 khoá SV tốt nghiệp ra trường với trên 199 SV. Đây là lực lượng trí thức quan trọng giảng dạy Hoá học ở các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông của năm tỉnh ở Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung bộ.

Về CSVC, hiện Bộ môn Hóa học được giao quản lý 05 phòng thí nghiệm chuyên môn là: phòng thí nghiệm phương pháp dạy học, phòng thí nghiệm hóa học đại cương, phòng thí nghiệm Hóa lý và hóa lý thuyết, phòng thí nghiệm hóa phân tích và phòng thí nghiệm hóa hữu cơ.

Việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPHH là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu xã hội trong tình hình mới. Qua nghiên cứu bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng. Qua quá trình phân tích, xử lý, thu thập minh chứng và tổng hợp thông tin, viết báo cáo. Các tiêu chuẩn, tiêu chí được chúng tôi trình bày trong phần II dưới đây.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

CTĐT SPHH thuộc Khoa KHTN&CN, trường Đại học Tây Nguyên đã đào tạo được 14 năm. Với đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao, CTĐT cử nhân ngành SPHH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, tuân thủ các quy định, hướng dẫn của trường ĐHTN. CTĐT có mục tiêu đào tạo cụ thể, phản ánh rõ mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường; được thể hiện bằng các chuẩn đầu ra dành cho SV tốt nghiệp bao trùm tất các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, thái độ, đáp ứng được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Ngành SPHH đã được thành lập năm 2006 [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành SPHH được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn để gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT ngành SPHH hiện nay là SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành SPHH có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến SPHH trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. [H1.01.01.03].

Các GV trong Khoa đều tìm hiểu, nắm vững tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, của Khoa và thể hiện vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. CTĐT được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT ngành SPHH phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng

nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của khoa, của trường. [H1.01.01.05].

Năm học 2018-2019, Bộ môn Hóa học cũng đã lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, cựu SV và nhà tuyển dụng. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong chuẩn đầu ra, các học phần trong CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.06].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành SPHH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại Tây Nguyên, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Mục tiêu CTĐT trình độ đại học ngành SPHH được Khoa triển khai, quán triệt đến từng cán bộ, GV, chuyên viên nhằm tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhất mục tiêu đã đề ra.

Bảng 1.1. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD

Sứ mạng, tầm nhìn	Mục tiêu của CTĐT
Là trung tâm NCKH	Đào tạo cử nhân SPHH có kiến thức khoa học cơ bản
Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Sứ mạng của CSGD: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển KT-XH. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc	Năng lực chuyên môn tốt nhằm thực hiện các công tác kế toán, kiểm toán trong các tổ chức một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh và làm việc nhóm nhằm thích nghi với môi trường kinh doanh xu hướng hội nhập quốc tế; có tư duy phản biện độc lập, sáng tạo; có sức khỏe và năng lực tự học và học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành SPHH chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành SPHH một cách đầy đủ, rộng rãi hơn	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Bộ môn Hóa học sẽ tiếp tục tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của trường Đại Tây Nguyên, với Luật Giáo dục đại học và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

Bộ môn Hóa học đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của trường Đại học Tây Nguyên về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ. Các hoạt động cụ thể mà Bộ môn Hóa học đã thực hiện là: thành lập nhóm chuyên gia biên soạn, khảo sát thị trường lao động, dự thảo CĐR, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, phối hợp tổ chức nghiệm thu CĐR ở các cấp.

CĐR của CTĐT ngành SPHH được xây dựng và ban hành từ năm 2010, được cập nhật và điều chỉnh gần nhất vào năm 2017. Năm học 2019-2020. CĐR của CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực [H1.01.02.01]. CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp; vì vậy, giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT ngành SPHH đã phản ánh được thể mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về đào tạo giáo viên SPHH. Các CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website của trường và Khoa [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành SPHH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03]. Cụ thể:

Về kiến thức đại cương, CTĐT ngành SPHH hướng đến trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học, xã hội học, lịch sử Việt Nam, ngoại ngữ, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.

Những kiến thức cơ sở ngành về toán học, văn học, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành; những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành và của từng chuyên ngành chuyên sâu giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; kỹ năng thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR ngành SPHH xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống. Bên cạnh đó, kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành SPHH. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích

ngôi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành SPHH cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi học sinh.

Đồng thời, SV có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ.

CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; CĐR còn chú trọng đến năng lực Đánh giá chương trình ngành SPHH, cải tiến phát triển chương trình [H1.01.02.04].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Một số CĐR học phần chưa được xây dựng trong mối liên hệ đối sánh với CĐR của CTĐT. Phần mô tả còn thiếu mốc chuẩn, khó đo lường và đánh giá được.

Hằng năm, còn có một số ít SV không tốt nghiệp, ra trường đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ, tin học.

Bộ môn Hóa học chỉ thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường mà chưa chủ động thực hiện công việc này theo từng năm học.

Việc cập nhật, đổi mới CTĐT tương ứng với thay đổi CĐR theo một phương thức mới, hiện đại phù hợp với mỗi năm là cần thiết. Tuy nhiên, nhìn chung, CĐR của CTĐT trình độ ĐH hiện nay của ngành SPHH còn chưa tiệm cận chuẩn quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức để các GV rà soát lại CĐR của từng học phần Thực hiện tốt hơn về CĐR ngoại ngữ, tin học trong CTĐT.	Trường ĐH Tây Nguyên Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Từ năm 2021 trở đi
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập.	Trường ĐH Tây Nguyên Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Từ năm 2021 trở đi

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, CĐR của CTĐT ngành SPHH đã được chỉnh sửa, hoàn thiện (năm 2017, 2020) [**H1.01.03.01**].

Bộ môn Hóa đã tham khảo CĐR của CTĐT một số trường đại học (ĐH) uy tín ở Việt Nam; phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của trường Đại học Tây Nguyên [**H1.01.03.02**], nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành ngành SPHH. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Bộ môn Hóa đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, GV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [**H1.01.03.03**]. Quá trình thẩm định CĐR của CTĐT ngành SPHH đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội, CĐR ngành SPHH đã được Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua,

nghiệm thu và được trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.03.04]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo. Đồng thời phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT được công bố công khai tới các cán bộ GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cảm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành SPHH được xây dựng có các bên liên quan tham gia, được định kỳ rà soát và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư) và từng học phần cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn đã thực hiện quy trình điều chỉnh CĐR, đã tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bộ môn Hóa học tiếp tục điều chỉnh CĐR và đẩy mạnh công tác tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhà tuyển dụng nhiều hơn	Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Từ năm 2021 trở đi
2	Phát huy điểm mạnh	Bộ môn Hóa học sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc thỏa thuận hợp tác với các cơ sở giáo dục đang sử dụng	Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Từ năm 2021 trở đi

		và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPHH; Bộ môn sẽ cùng HĐKHĐT khoa làm việc với các cơ sở giáo dục này để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CĐR của CTĐT.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành SPHH đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT ngành SPHH được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CĐR ngành SPHH được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 5/7

TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành SPHH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do trường Đại học Tây Nguyên ban hành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh hàng theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, ngành; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành SPHH cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập mong đợi, cấu trúc khóa học. CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/ yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/ đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan ít nhất 2 năm một lần và được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lí:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội được thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012 [<https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-08-2012-qh13-quoc-hoi-71740-d1.html>];

- Quyết định số 70/2014/QĐ - TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học

- <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-70-2014-QĐ-TTg-Dieu-le-truong-dai-hoc-259959.aspx>];

- Thông tư số 08/2011/TT - BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng. [<http://download123.vn/tailieu-thong-tu-08-2011-tt-bgdt-quy-dinh-dieu-kien-ho-so-quy-trinh-mo-nganh-dao-taod8925download.aspx>];

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc

sĩ, tiến sĩ [<http://pqldt.dlu.edu.vn/vi/van-ban-quy-pham-phap-luat-6a05f/thong-tu-so-07-2015-tt-bgddt-ngay-16-thang-4-nam-2015-cb7ee>];

Bản mô tả CTĐT được bộ môn Hóa thiết kế dựa trên chương trình khung ngành SPHH của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01] được trường Đại học Tây Nguyên cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn [H2.02.01.02]. Bản mô tả đã được điều chỉnh, cập nhật quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của trường Đại học Tây Nguyên và theo hướng quốc tế hóa [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT ngành SPHH cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT (tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo), mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo [H2.02.01.04].

Theo kết quả điều tra ý kiến của các bên liên quan, bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn. [H2.02.01.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành SPHH cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu tiếp cận nhu cầu xã hội. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính thực hành của các kiến thức được đào tạo.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của trường Đại học Tây Nguyên; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa có kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoá học và ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT chưa đưa được nhiều ý kiến góp ý của các đơn vị tuyển dụng để việc đào tạo được sát với nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoá học và ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT Bản mô tả CTĐT. Lấy ý kiến góp ý của các đơn vị tuyển dụng vào quá trình đào tạo	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng Khoa học- Đào tạo Khoa, bộ môn tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, nhấn mạnh vào các học phần chuyên ngành liên quan đến đào tạo giáo viên ngành SPHH mà Bộ môn đang đảm nhiệm.	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Bộ môn Hóa học đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định. Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu.

Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên chương trình khung đào tạo hệ đại học ngành SPHH [H2.02.02.01] và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần [H2.02.02.02].

Bản mô tả CTĐT [H1.01.02.03] công bố năm 2020 gồm 91 học phần, mỗi học phần đều có số tín chỉ được xác định bằng một mã số riêng do trường quy định và đề cương chi tiết (ĐCCT) đầy đủ các nội dung theo quy định:

- Thông tin chung về học phần/môn học: tên học phần/môn học, mã học phần/môn học, số tín chỉ, số tiết giảng dạy (lý thuyết - bài tập - thực hành), trình độ đào tạo, điều kiện để học học phần/môn học.
- Bộ môn phụ trách giảng dạy
- Mô tả học phần
- Mục tiêu học phần (mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ)
- Nội dung và kế hoạch dạy học học phần (nội dung chi tiết, số tiết dự kiến thực hiện mỗi nội dung, hình thức tổ chức, PP dạy học và kiểm tra - đánh giá)
- Tài liệu học tập
- Phương pháp đánh giá học phần

ĐCCT các học phần đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CĐR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành, hoạt động ngoại khóa, v.v..

Các ĐCCT học phần đều được tham khảo, tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những ĐCCT học phần trong các CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước.

ĐCCT các học phần ngành SPHH được thực hiện theo đúng hướng dẫn của trường, chỉnh sửa theo sự góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT.

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ [H2.02.02.04].

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong nước và trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam [H2.02.02.05].

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Tây Nguyên.

Đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung,

phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết các học phần ngành SPHH trình độ đại học còn chưa được đăng tải lên trang web của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch công khai Đề cương chi tiết các học phần ngành SPHH trình độ đại học lên trang webs của Khoa.	Trường ĐH TN Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật đề cương học phần để đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về lĩnh vực SPHH	KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT kèm theo CĐR ngành SPHH được trường Đại học Tây Nguyên ban hành năm 2017. Bộ môn Hóa học đã công bố công khai cho người học và GV nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; Cổng thông tin cán bộ; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin [**H2.02.03.01**]. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [**H2.02.03.02**], [**H2.02.03.03**].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong

một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được hội đồng Khoa, Trường cho ý kiến. CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, GV [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành SPHH (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của HĐKHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn Hóa học đã tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV, GV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần, nhưng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu SV chưa tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến ý kiến phản hồi rộng rãi các bên liên quan CTĐT Công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau.	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2021 trở đi

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành SPHH và mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, GV trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm 2022 trở đi
---	--------------------	---	--------------------------------	--------------------

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành SPHH được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực SPHH. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng của các học phần được chuẩn hóa theo quy định. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Cùng với những điểm mạnh, vẫn còn một số tồn tại như sau: việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; bộ môn thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: 5/7

TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học (CTDH) trình độ đại học ngành SPHH được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn đầu ra về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH hóa học đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục Việt Nam. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTDH. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. CTDH đã được triển khai, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV và nhà tuyển dụng lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH ngành SPHH được Bộ môn Hóa học – Khoa KHTN&CN xây dựng dựa vào bề dày kinh nghiệm đào tạo giáo viên Hóa học qua nhiều giai đoạn. Tính đến thời điểm CTĐT được thẩm định, Bộ môn đã nhiều lần xây dựng, điều chỉnh CTĐT ngành SPHH. Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng là: Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H3.03.01.01]. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.03.01.02], Chuẩn đầu ra trình độ đại học khối ngành sư phạm đào tạo GV THPT [H3.03.01.03]. Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học hiện hành; Chương trình GDPT môn Hóa học ban hành năm 2018 [H3.03.01.04], tham khảo CTDH của các trường đào tạo giáo viên Hóa học (Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh [H3.03.01.05], Trường ĐHSP Hà Nội [H3.03.01.06], trường ĐHSP Thái Nguyên [H3.03.01.07]).

Để xây dựng CTĐT cho các ngành học, Nhà trường đã dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như chú trọng đến tỉ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức NVSP, khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế) để đạt mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT ngành SPHH [H3.03.01.08]. CTDH hiện đại, cập nhật, cung cấp cho người học nhiều

thông tin về ngành SPHH. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và sẽ được công bố công khai trên website của Trường **[H3.03.01.09]**.

CTDH được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR và bản mô tả CTDT đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Trường [H3.03.01.10], bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần.

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành SPHH trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, Rèn luyện NVSP thường xuyên; Thực tập sư phạm.

Trong đó, khối kiến thức chung chiếm 30%, khối kiến thức cơ sở ngành chiếm 30 %, kiến thức chuyên ngành 40%, bao gồm cả Rèn luyện NVSP thường xuyên và Thực tập sư phạm. Khối kiến thức chung của ngành SPHH cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ.

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ của CĐR. Các học phần được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, gắn quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng cần thiết đối với ngành SPHH. Các khối kiến thức và các học phần được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTDH. Mỗi học phần đào tạo mô tả kiến thức, kỹ năng và thái độ thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo **[H3.03.01.08]**. Với kết cấu như trên, nội dung CTDH đảm bảo trang bị cho người học về kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và năng lực thực hành nghề nghiệp theo yêu cầu của CĐR **[H3.01.01.08]**, **[H3.03.01.11]**.

Đối với từng học phần (môn học) sau khi hoàn thành CTDH, Bộ môn Hóa học yêu cầu GV trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH với CĐR của CTĐT ngành SPHH. CTDH được cụ thể hóa trong CTĐT với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo **[H3.03.01.10], [H3.03.01.18]**.

Bên cạnh đó, trên cơ sở các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV **[H3.03.01.12]**, các ý kiến của SV **[H3.03.01.13]**, cựu SV **[H3.03.01.14]** và nhà sử dụng lao động **[H3.03.01.15]** về chiến lược đào tạo ngành SPHH, ý kiến của chuyên gia **[H3.03.01.16]** về CTDH ngành SPHH về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT, Khoa đã có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH để đạt được các CĐR một cách tối ưu nhất **[H3.03.01.17]**.

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành SPHH đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình **[H3.03.01.10]**.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành SPHH có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Nhờ vào bảng phân nhiệm giảng dạy và trình độ năng lực giữa các học phần và CĐR nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học không chồng chéo giữa các học phần.

Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp người học phát triển toàn diện để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó; giúp CTĐT được xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn; các công đoạn quá trình đào tạo có

tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CTĐT với chuyển tải và đánh giá hiệu quả giáo dục đại học (GDDH), góp phần nâng cao chất lượng GDDH.

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế cho các khoá học trước trước Khóa 2017 chưa phân nhiệm cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cho từng học phần cho nên khi thực hiện CTĐT còn chông chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học. Ngoài ra một số CTDH trước Khóa 2017 khi thiết kế chưa bám sát CDR nên chưa cụ thể hóa được các mục tiêu và năng lực cần đạt sau khi kết thúc học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành SPHH, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu trong CTDH với CDR thông qua ma trận đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	Trường ĐH Tây Nguyên Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTDH theo tiếp cận CDR của ngành SPHH. Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực	Trường ĐH Tây Nguyên Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Hằng năm

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

CTDH ngành SPHH thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT cử nhân SPHH đều có đề cương chi tiết học phần, được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở Bộ môn Hóa và các khoa, bộ môn phối hợp trong Nhà trường như bộ môn Toán, Bộ môn Vật Lý, Khoa Ngoại ngữ, bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Lí luận Chính trị, Khoa Sư phạm... theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ **[H3.03.02.01], [H3.03.01.17]**.

Các học phần trong CTĐT ngành SPHH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra **[H3.03.02.02]**. Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong chương trình dạy học thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H3.03.02.03]**.

Mỗi học phần trong CTĐT ngành SPHH được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy **[H3.03.02.04]. [H3.03.01.18]**.

Các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các khung năng lực cần đạt. Đồng thời, CĐR của các học phần trong CTĐT đã được thiết kế với các mục tiêu rõ ràng, các phương pháp giảng dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. CĐR về kiến thức gồm khối kiến thức bắt buộc, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành **[H3.03.02.02]**

Sau khi hoàn thành khối kiến thức chung trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và của Ngành Giáo dục; có thói quen rèn luyện sức khỏe để phát triển thể lực, tầm vóc; đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Khối kiến thức cơ sở ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế các học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. Người học sẽ có những hiểu biết ban đầu về ngành học và quản lí ngành

học, tâm sinh lí lứa tuổi; kiến thức và kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục **[H3.03.02.04]**.

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần cung cấp kiến thức về phương pháp, kĩ thuật dạy học môn Hóa học ở trường THPT và THCS và tổ chức cho SV thực hành sư phạm. Học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, SV được trang bị những kĩ năng cơ bản, cần thiết để có thể tổ chức dạy học các môn Hóa học ở trường phổ thông. Trong đó, kiến thức thực tập, thực tế người học được tiếp cận thực tế dạy học ở trường phổ thông thông qua đợt Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm. Đây là cơ hội để người học thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có thâm niên giảng dạy. Qua đợt thực tập sư phạm, ngoài việc được thực hành dạy học một số môn học, người học còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai **[H3.03.02.04]**. CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì **[H3.03.02.04]**.

Như vậy, khi hoàn thành CTDH, người học sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành và thực tập, thực tế, làm tốt công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông cũng như có lòng yêu nghề, kĩ năng giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh,... **[H3.03.02.02]**. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR **[H3.03.02.02]**.

2. Điểm mạnh

Chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTDH. Các học phần thuộc khối Kiến thức Đại cương, Kiến thức Cơ sở ngành, Kiến thức Chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. CTDH đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTDH được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTDH của GV, bao gồm đề cương bài giảng, slide bài giảng, tài liệu giáo trình, hồ sơ đánh giá quá trình được GV lưu trữ và bảo quản. Hằng năm, Nhà trường tiến hành giám sát và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của GV.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với các học phần đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như đề cương chi tiết các học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết của một số học phần được thiết kế cho các khóa trước khoá 2017 chưa rõ ràng và chưa thể hiện bằng các mục tiêu cụ thể để đạt được CĐR của CTĐT ngành SPHH. Nội dung chương trình của một số học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành SPHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát phân công nhiệm vụ cho các GV rà soát và kiểm tra ĐCCT học phần trong CTĐT ngành SPHH đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng một CĐR. Đề xuất những thay đổi phù hợp và bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.	BM Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp CĐR	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Hàng năm
---	--------------------	---	--------------------------------	----------

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Các học phần trong CTDH được thiết kế có hệ thống, khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 TC (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Nội dung CTDH được sắp xếp logic, gồm khối kiến thức chung về các nguyên lý Chủ nghĩa Mac-Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm, khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp **[H3.03.03.01]**.

CTDH ngành SPHH được xây dựng dựa trên CĐR của ngành **[H3.03.03.02]**. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành SPHH gồm các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành SPHH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và được bố trí giảng dạy trong 4 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy 4 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại

cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỉ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động **[H3.03.03.01]**.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. CTDH ngành SPHH có nội dung cập nhật. CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần **[H3.03.03.03]**, **[H3.03.03.04]**, **[H3.03.03.05]**, **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]** nhằm điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học **[H3.03.03.08]**. Các học phần được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học và phù hợp với nội dung của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học **[H3.03.03.08]**. Để đạt được các yêu cầu trên, Nhà trường và Khoa KHTN&CN đã tổ chức lấy ý kiến của SV năm cuối **[H3.03.03.09]**, cựu SV ngành SPHH **[H3.03.03.10]** về CTĐT ngành SPHH và ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành SPHH về CTĐT **[H3.03.03.11]**. Cụ thể, từ năm 2015 đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần vào năm 2015, năm 2017 và năm 2020 **[H3.03.03.12]**, **[H3.03.03.05]**. Trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành SPHH luôn có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước **[H3.03.03.13]**, **[H3.03.03.14]**, **[H3.03.03.15]**.

Từ năm 2020, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Ví dụ, học phần thí nghiệm thực hành sẽ học sau hoặc song hành với các học phần lý thuyết **[H3.03.03.12]**, **[H3.03.03.16]**. Ngoài học phần thực hành, SV còn được đi thực tập thực tế chuyên môn tại các cơ sở hóa chất hoặc các nhà máy sản xuất. Các kiến thức, kỹ năng cần thiết được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, và kiến thức chuyên ngành **[H3.03.03.16]**. Thêm vào đó, các học phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp sư phạm cũng được thực hiện tại lớp học ở Trường với học sinh giả định và được thường xuyên dự giờ dạy mẫu các giáo viên có kinh nghiệm tại các trường THPT thực hành Cao Nguyên **[H3.03.03.17]**.

Để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng giáo viên hóa học, Bộ môn luôn chú ý tổ chức các buổi seminar khoa học cung cấp thêm cho người học những thông tin về sự thay đổi của ngành SPHH. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Bộ môn đã tổ chức họp, đánh giá nội dung các học phần trong CTĐT của ngành SPHH, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH [H3.03.03.18]. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT được thường xuyên cập nhật trên phần mềm đào tạo của trường [H3.03.03.19].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành SPHH có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành SPHH.

3. Điểm tồn tại

Đối với CTĐT cho SV ngành SPHH từ Khóa 2017 trở về trước, nội dung các CTDH của một số học phần chưa thực sự được thiết kế theo trình tự từ dễ đến khó nên GV gặp khó khăn khi triển khai các hoạt động giảng dạy. Trong quá trình thực hiện chương trình, GV ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều. Việc tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành SPHH của các trường ĐHSP khác chưa được nhiều do việc tiếp cận chương trình còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về chất lượng	BM Hóa học	Hằng năm	

		SV khi tiếp nhận công việc giảng dạy. Tăng cường tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành SPHH của các trường trong và ngoài nước.			
2	Phát huy điểm mạnh	Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần	Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Định kỳ 2 năm 1 lần	

Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành SPHH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của Khoa KHTN&CN chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành SPHH trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT. Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành SPHH tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 4,33/7

TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng trong đào tạo đại học của tất cả ngành học. Chương trình SPHH cũng như nhiều chương trình khác trong trường ĐH Tây Nguyên chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình cần được mỗi GV và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục của trường Đại học Tây Nguyên hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những người lao động có phẩm chất, năng lực phát triển song hành và toàn diện. Đào tạo người lao động có trách nhiệm cao với cộng đồng và luôn có tư duy sáng tạo trong học tập và lao động. Ý nghĩa chung của triết lý giáo dục là trường Đại học Tây Nguyên dựa trên nguồn lực mạnh, tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng, tạo môi trường học tập tốt nhất cho người học phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học. Từ triết lý đó, nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược là “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, CSVN hiện đại, CTĐT tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị nhà trường; Kết quả đào tạo, NCKH đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.” **[H4.04.01.01]**

Triết lý giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, được công bố rộng rãi trên Website với toàn xã hội, được truyền thông tới toàn thể cán bộ,

GV và SV tại địa chỉ truy cập

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/en/vanban/vbkiemdinhhcsghddh/1405-1106022001>

[H4.04.01.02]. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi của Trường **[H4.04.01.03]** được đưa vào các kế hoạch chiến lược của Trường và Khoa **[H4.04.01.04]**, **[H4.04.01.05]**.

Triết lý giáo dục được cán bộ, GV, SV hiểu rõ và thực hiện. Đối với GV, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học **[H4.04.01.06]**. Đối với SV, ngay từ khi năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm dành cho tân SV các khóa. **[H4.04.01.08]**. Ngoài ra, Trường cũng tổ chức các buổi gặp mặt đối thoại SV, nhằm giúp hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính họ trong quá trình học tập **[H4.04.01.09]**.

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục cũng được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng **[H4.04.01.10]**. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

Mỗi GV khi bắt đầu giảng dạy môn của mình phụ trách, đều giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra nội dung, phương pháp học tập, chuẩn đầu ra của môn học và tiêu chí đánh giá của học phần trong CTĐT **[H4.04.01.06]**.

Các GV là cố vấn học tập sinh hoạt với SV định kỳ 2 tuần 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, giúp các em có chiến lược đăng ký môn học phù hợp **[H4.04.01.11]**. Với toàn xã hội thì mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT của Bộ môn được công khai trên website của nhà trường **[H4.04.01.12]**.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, SV, học viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo của Bộ môn được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho Bộ môn. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến điều chỉnh mục tiêu của CTĐT.	Khoa KHTN&CN BM Hóa học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành SPHH.	BM Hóa học	Hàng năm

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học của Bộ môn được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Chiến lược của CTĐT là lấy việc học làm trung tâm, GV đóng vai trò tổ chức, hỗ trợ. Chương trình SPHH đã xác định mục tiêu giáo dục của chương trình và chuẩn đầu ra rõ ràng trong bảng mô tả CTĐT của mỗi khóa học. Dựa trên qui định về việc bổ sung và điều chỉnh CTĐT theo định kỳ, chương trình SPHH có những điều chỉnh CTĐT phù hợp với tỉ lệ điều chỉnh không quá 20% nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển KT-XH của khu vực. Trong đề cương chi tiết của mỗi học phần, GV giảng dạy trong chương trình SPHH đã mô tả nội dung các học phần và đề ra mục tiêu rõ ràng cụ thể phù hợp với chuẩn đầu ra của trong CTĐT. Đối với những GV ở các chương trình khác tham gia giảng dạy chương trình SPHH cũng đã đáp ứng yêu cầu của chương trình **[H4.04.02.01]**. Trong hoạt động dạy, GV sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và nhất quán với triết lý giáo dục của nhà

trường. Các phương pháp giảng dạy đều hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học. Theo đó, CDR của CTĐT ngành SPHH chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, kiến tập, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp. **[H4.04.02.01]**.

Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục phát triển toàn diện phẩm chất năng lực người học, GV các Bộ môn Hóa học đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, cặp đôi, đóng vai theo chủ đề; Hình thức thi hết môn thường là thi viết, trắc nghiệm khách quan online, vấn đáp, trình bày, làm bài tập lớn. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học **[H4.04.02.01]**.

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân **[H4.04.02.02]**, **[H4.04.02.03]**. SV có thể đăng ký học ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng như tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học, trải nghiệm STEM cho HS THPT tại trường Đại học Tây Nguyên **[H4.04.02.04]** và các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**. Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT. SV của bộ môn được cử đến các Trường THPT trong tỉnh để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn đồng thời rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp **[H4.04.02.07]**. Trường đã xây dựng một trường THPT thực hành Cao Nguyên là nơi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư **[H4.04.02.08]**. Việc thực tập, thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các GV

lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn.

Hàng năm, Bộ môn đã tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm của Ngành. Nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành SPHH, đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai **[H4.04.02.09]**.

Về hoạt động NCKH và bồi dưỡng chuyên môn, Bộ môn Hóa học luôn khuyến khích GV tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn, yêu cầu GV tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, NCKH, viết bài tham dự hội thảo của khoa, trường, và các trường khác nhằm trao đổi kinh nghiệm **[H4.04.02.10]**. GV lên kế hoạch thao giảng dự giờ trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau **[H4.04.02.11]**. Đối với SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất. SV được học học phần phương pháp NCKH từ năm thứ 3, giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH. SV đăng kí đề tài và mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp Bộ môn tới cấp khoa và Trường **[H4.04.02.12]**. GV, SV hài lòng với các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch hằng năm của khoa, của Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối học kỳ, cuối năm học **[H4.04.02.13]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế, thực tập và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của SV chưa cao; Cách bố trí bàn-ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các học phần chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kiến nghị với Nhà trường về việc trang bị, sắp xếp các phòng học phù hợp với đặc thù của môn học, ngành học. Đề xuất về việc mua sắm và sắp xếp bàn-ghế phù hợp với các lớp học thực hành nghề nghiệp của bộ môn. Đồng thời đề xuất với Nhà trường cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, chú trọng đến phương thức thực tập, chế độ phù hợp cho cán bộ hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng thực tập, thực tế của SV. Tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH cho GV và SV; Tổ chức Tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập đại học cho SV năm thứ nhất, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu; Chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV.	Bộ môn Hóa học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	CTDH thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ	Bộ môn Hóa học	Hàng năm

		năng, thái độ. Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của SV cũng như việc kiến tập, thực tập tại các trường THPT.		
--	--	---	--	--

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và NCKH của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành SPHH. Thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT **[H4.04.03.01]**.

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với GV **[H4.04.03.02]**.

Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, hàng năm, Bộ môn Hóa học tổ chức hội thi “Nghệ thuật vụ sư phạm” **[H4.04.03.03]**, đưa SV đi kiến tập, thực tập sư phạm ở các trường THPT trong tỉnh **[H4.04.03.04]**. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Nhà trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học **[H4.04.03.05]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV cuối khóa, triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục và lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động giúp nhà trường và Bộ môn có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo nghiệm thực tế các biểu mẫu thống kê và khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành SPHH [H4.04.03.06].

Việc thực hiện đề tài NCKH, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đã giúp SV biết cách xác định vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, nội dung nghiên cứu phù hợp, nâng cao kỹ năng lập kế hoạch làm việc, tìm tòi và tham khảo tài liệu. Đặc biệt, trong quá trình làm đề tài nghiên cứu, GV hướng dẫn SV tham khảo tài liệu mới để cập nhập các vấn đề mới, xu hướng mới trên thế giới liên quan đến nội dung của đề tài. Hoạt động dạy và học qua NCKH có tác dụng rất tốt trong việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các đề tài nghiên cứu phục vụ cho việc giảng dạy hoặc làm việc ở các vị trí khác sau khi ra trường của SV [H4.04.03.07]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa đã tạo cơ hội cho SV có môi trường trải nghiệm thông qua các hoạt động khác, như tập huấn các kỹ năng xã hội, tham gia tổ chức, hướng dẫn HS trải nghiệm STEM tại trường Đại học [H4.04.03.08]. Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến [H4.04.03.09] các bài giảng, bài tập được GV cung cấp cho SV và hỗ trợ SV trong quá trình học tập, khắc phục những khó khăn để duy trì việc học tập trong thời gian dịch bệnh.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. GV bộ môn Hóa học sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt nên việc học tập còn mang tính đối phó. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để khích lệ các khả năng tư duy phân biện, làm việc độc lập của SV. Điều kiện phòng học (bàn ghế không linh hoạt cho

việc di chuyển) chưa thực sự phù hợp với việc tổ chức một số phương pháp dạy học tích cực như các hoạt động thực hành giao tiếp, các hoạt động thực hành chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường hơn các cuộc hội nghị, hội thảo, trao đổi với SV về những bất cập và khó khăn trong quá trình đổi mới các PPDH theo tiếp cận năng lực. Sắp xếp các môn học có thực hành, bài tập nhóm vào các phòng học mà bàn ghế có thể di chuyển thuận tiện cho việc tổ chức dạy - học hiệu quả. Các GV bộ môn rà soát và điều chỉnh nội dung của một số học phần được xem là nặng về lý thuyết hàn lâm mà thiếu tính ứng dụng thực tế. Tăng cường dự giờ rút kinh nghiệm, dành thời gian dự giờ đồng nghiệp.	Bộ môn Hóa học	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	GV sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức học và kiểm tra đánh giá.	Bộ môn Hóa học	Hằng năm

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành SPHH là phù hợp và đúng đắn. Mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt

chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành, các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có tinh thần học suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy và người học. Môi trường học cởi mở, thân thiện, tôn trọng nâng đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 5/7

TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá KQHT của người học đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Do đó, việc đánh giá KQHT SV ngành SPHH được nhà trường và Khoa chú trọng bắt đầu từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của CTĐT. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV và được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về KQHT của SV.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá KQHT của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trường ĐHTN thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành SPHH theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GDĐT. Quy trình được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, SV học ngành 2 [H5.05.01.02]. Quy trình kiểm tra đánh giá KQHT SV ngành SPHH được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GDĐT và của Trường ĐHTN [H5.05.01.03]. Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế logic, khoa

học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và CĐR CTĐT ngành SPHH. Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp, nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần **[H5.05.01.04]**. Đề cương môn học của CTĐT ngành SPHH được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học.

Nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá KQHT môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập, ...). Đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc tiểu luận. Đề thi kết thúc học phần, tiểu luận các môn chuyên ngành của ngành SPHH đều được trưởng bộ môn và lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ: biết, hiểu, vận dụng, phân tích- tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kỹ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi **[H5.05.01.05]**. Việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được.

Trường ĐHTN và Bộ môn Hóa học có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.01.06]**. Các quy định về kiểm tra-thi được quy định rõ ràng và công bố công khai, thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học, các diễn đàn trao đổi phương pháp học tập cho SV đầu khóa. Ngoài ra, SV được cung cấp các quy định về kiểm tra đánh giá từng học phần thông qua buổi học đầu tiên để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp trong quá trình học tập. Việc SV đăng ký học vào các

lớp học phần và theo dõi tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật một cách công khai và liên tục thông qua tài khoản cá nhân tại địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn>. SV được biết rõ các quy định về quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra KQHT. 100% GV cơ hữu giảng dạy CTĐT ngành SPHH có chứng chỉ năng lực nghiệp vụ sư phạm và phần lớn GV được đào tạo [H5.05.01.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của người học. Công tác kiểm tra đánh giá KQHT của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá KQHT theo các thang bậc cao của CDR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân đối các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

CDR về chuyên cần thái độ chưa được đánh giá sâu sát, hầu như chỉ được đánh giá thông qua việc chuyên cần trong học tập (~ 10% điểm quá trình).

Việc thiết kế, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GD&ĐT, vào đề cương chi tiết môn học. Khoa chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR ngày càng hiệu quả hơn.

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CDR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CDR, đồng thời phân tích đánh giá KQHT của	Những bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành SPHH	Từ năm học 2021-2022

		người học để điều chỉnh một cách hợp lý		
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra/thi của người học để đánh giá chính xác hơn KQHT của SV	Khoa sẽ phối hợp với Phòng QLCL	Từ năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá: đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá KQHT của người học từ ngành SPHH được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường ĐHTN và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Về thời gian: Các hình thức kiểm tra đánh giá (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học.

Về trọng số điểm: Từ năm học 2018-2019, Nhà trường cải tiến các hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá KQHT theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học. Điểm thành phần được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Nhà trường, khoa và cổng thông tin cá nhân SV. Phòng quản lý chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

Về nội dung: Việc kiểm tra, đánh giá và thi cử phải đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành SPHH đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học.

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu...

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần **[H5.05.02.01]**. Đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời kết

quả tốt nghiệp/ thực tập tốt nghiệp được thông báo đến SV theo đúng tiến độ và quy trình. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hằng năm.

SV được cung cấp quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi/kiểm tra. Ngoài ra, SV ngành SPHH được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ Trợ lý đào tạo và CVHT của khoa. Các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá KQHT được thực hiện dưới nhiều hình thức (Đại hội SV cấp lớp và cấp khoa, kết quả phỏng vấn người học, phiếu lấy ý kiến đánh giá SV cuối khóa) [H5.05.02.02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành SPHH rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của GV về quy định kiểm tra, đánh giá người học còn hạn chế về độ nhanh nhạy, sự chủ động, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các văn bản về quy định kiểm tra, đánh giá người học để GV làm cơ sở kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của SV, đồng thời giúp GV cập nhật quy định và kế hoạch kiểm tra, đánh giá một cách kịp thời, chủ động.	Khoa KHTN&CN	Từ năm học 2021 - 2022
2	Phát huy	Tiếp tục thực hiện tốt quy định về kiểm tra đánh giá	Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022

	điểm mạnh	KQHT của người học		
--	--------------	--------------------	--	--

5. Tự đánh giá: đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường DHTN. Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT từ năm học 2007 - 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá KQHT đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá giữa kì và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.01]**.

Ngành SPHH đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá KQHT được thông báo tới từng GV trong các phiên họp Bộ môn **[H5.05.03.02]**. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận **[H5.05.03.03]**. Đối với Bộ môn SPHH còn quy định trong quá trình giảng dạy, học tập GV, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa phụ trách công tác HS-SV phải bám sát quá trình học tập của SV, đối với những SV thuộc diện cảnh báo các bên liên quan phải theo dõi và nhắc nhở SV. Khi kết thúc học phần, nếu GV cảm thấy trường hợp SV nào đều phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo SV với Trưởng Bộ môn, nếu trong quá trình giảng dạy, GV không nhắc nhở cảnh báo SV, thì GV phải chịu trách nhiệm **[H5.05.03.04]**. Các GV Bộ môn SPHH luôn luôn chú trọng xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi của GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy **[H5.05.03.05]**. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng quy trình,

phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá toàn bộ học phần.	GV bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác đánh giá KQHT của người học theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT	GV bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá KQHT của người học của Trường ĐHTN.

Điểm thành phần phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần. KQHT của SV được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai trên trang web của Trường (qua tài khoản SV). Thông qua hệ thống phần mềm quản lý các hệ

đào tạo để người học tra cứu KQHT dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi KQHT bằng bảng hỏi SV đánh giá GV từng học kỳ, thông qua cổng thông tin SV. Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá GV, báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan [H5.05.04.01].

Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với KQHT thường xuyên được khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.02].

2. Điểm mạnh

KQHT của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý KQHT của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường.

Đội ngũ Trưởng bộ môn, CVHT của ngành SPHH đã tích cực làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để giúp SV hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù KQHT của người học được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bộ môn Hóa học đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm để SV tự đối chiếu với bài thi, qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi.	Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc đánh giá và phản hồi KQHT của người học để người học cải thiện việc học tập	Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về KQHT đã được Trường ĐHTN hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học. Các quy định về quy trình khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như *Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa*, *Gặp mặt SV ngành SPHH* và trang thông tin điện tử của Trường, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép, theo quy định.

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận cán bộ liên quan trong quá trình khiếu nại, Phòng ĐBCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan. Theo thống kê hàng năm, hơn 90% SV ngành SPHH hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại/kiểm tra KQHT.

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT của mình. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về KQHT được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại KQHT do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra KQHT của người học, đồng thời Ban chủ nhiệm Khoa, Bộ môn Hóa học sẽ chỉ đạo CVHT hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả.	- Trường ĐHTN Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021-2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng hơn với quy trình khiếu nại về KQHT.	Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021-2022

5. Tự đánh giá: đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá KQHT của SV ngành SPHH, Bộ môn Hóa học được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHTN để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của SV. Bộ môn Hóa học tập trung vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi/kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: đạt (mức 4/7).

TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ GV bộ môn HÓA HỌC nói riêng và nhà trường nói chung, luôn được quy hoạch, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ thay đổi theo từng năm. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác, bộ môn HÓA HỌC và nhà trường luôn tuyển dụng mới đội ngũ GV, nghiên cứu viên.

Ngoài công tác tuyển dụng mới Trường cũng có thể luân chuyển, điều động các bộ giữa các đơn vị với nhau được nhà trường thực hiện công khai, đúng quy định, dựa trên nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Sau khi được bổ nhiệm công việc, cán bộ được phân công trách nhiệm một cách rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm chuyên môn của GV, nghiên cứu viên. Sau mỗi năm học, công tác đánh giá được quản lý dựa trên kết quả công việc, cùng với thành tích đạt được của GV, nghiên cứu viên giúp tạo động lực rất tốt cho việc khích lệ đội ngũ GV, nghiên cứu viên hoàn thành tốt mọi công việc được giao, kể cả các công việc phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường và bộ môn đã áp dụng chính sách tuyển dụng, thu hút GV theo một số quy định và quy chế như sau: Quy chế về việc tuyển dụng và sử dụng viên chức của Trường ĐH Tây Nguyên [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], Quy chế chi tiêu nội bộ hiện tại thời điểm tuyển dụng [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05],

[H6.06.01.06]. Quy định đánh giá, phân loại thi đua hàng quý và năm học đối với công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.08]**, **[H6.06.01.09]** và Quy định về chế độ làm việc, nghỉ hàng năm và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.10]**. Sau khi GV, nghiên cứu viên được tuyển dụng vào trường, Bộ môn sẽ có sự phân công cán bộ GV tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn thực hành hay thực tập đúng theo Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H6.06.01.11]**. Quy định về công tác quy hoạch đội ngũ GV cũng như luân chuyển đội ngũ GV, nghiên cứu viên được thực hiện công khai qua thông báo quy hoạch nhân sự cho toàn trường **[H6.06.01.12]**, đề án vị trí việc làm của trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.13]**, **[H6.06.01.14]**.

Về việc bồi dưỡng cho đội ngũ GV, nghiên cứu viên, nhà trường có các hình thức hỗ trợ phù hợp như thông báo và cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng do nhà trường tổ chức **[H6.06.01.15]**, **[H6.06.01.16]**, **[H6.06.01.17]**, **[H6.06.01.18]**. Ngoài việc bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ GV và tuyển dụng mới theo những tiêu chí rõ ràng, công khai qua thông tin tuyển dụng của nhà trường **[H6.06.01.01]**, **[H6.06.01.02]**.

Theo cơ chế đào tạo tín chỉ, nhà trường đã ra quyết định ban hành quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H6.06.01.19]**, **[H6.06.01.11]**, và có chỉnh sửa bổ sung hàng năm **[H6.06.01.20]**, **[H6.06.01.21]**, **[H6.06.01.22]**, **[H6.06.01.23]**. Từ quy định về đào tạo theo cơ chế tín chỉ, cán bộ GV, nghiên cứu viên cũng có những quy định về công tác giảng dạy **[H6.06.01.19]**, **[H6.06.01.11]**, được quy định rất rõ ràng. Hàng năm việc bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo tiêu chí rõ ràng dựa trên năng lực và thành tích NCKH của cán bộ đúng theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý thuộc Trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.24]** nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Trước khi bắt đầu giảng dạy 2 tháng, bộ môn sẽ thông báo đến từng GV Kế hoạch giảng dạy trong các học kỳ, lập danh sách phân công giảng dạy gửi về cho Khoa và được Khoa xác nhận trước khi trình lên phòng Đào tạo Đại học để phân công giảng dạy cho GV **[H6.06.01.25]**, **[H6.06.01.26]**.

Quy định về tiêu chuẩn và quy trình về công tác cán bộ của trường ĐH Tây Nguyên thông được thông qua trong Đề án vị trí việc làm của trường Đại học Tây Nguyên

[H6.06.01.13], [H6.06.01.14]. Từ những quy định trên, việc lập kế hoạch chiến lược hướng đến từng giai đoạn và định hướng đến năm 2020 của bộ môn được dựa trên quyết định v/v phê duyệt tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.28], [H6.06.01.29]**, các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với GV, viên chức hành chính và người lao động thuộc trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.01.10]**. Ngoài ra đơn vị hoạt động theo sơ đồ tổ chức của bộ môn **[H6.06.01.30]** được thực hiện đúng quy định và được đăng tải trên website (<https://www.ttn.edu.vn/index.php/bmktn/ktnbmtin>). Mỗi năm học, căn cứ vào khối lượng môn học thực tế của đơn vị, nhà trường cũng cho phép một số bộ môn được mời thêm một số GV thỉnh giảng bên ngoài giảng dạy một số môn học nhất định, nhằm mục đích giao lưu học hỏi kinh nghiệm giữa các GV với nhau, vừa giải quyết khối lượng quá tải của các khoa khi chưa tuyển dụng được nhân sự mới. Khi đó mỗi GV thỉnh giảng tiến hành ký hợp đồng thỉnh giảng **[H6.06.01.31]** với nhà trường theo từng môn học cụ thể do bộ môn phân công.

Dữ liệu các nghiên cứu được công bố thông qua bản tổng hợp bài báo hội nghị, tạp chí **[H6.06.01.32]** theo từng năm học để đánh giá thi đua theo từng năm học cho cán bộ GV. Với các cán bộ GV, nghiên cứu viên học tập nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài, nhà trường tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho cán bộ. Nhà trường đã tiến hành cấp các quyết định đi học trong nước và nước ngoài cho GV, nghiên cứu viên của trường (danh sách giảng viên cử đi đào tạo trong nước, nước ngoài giai đoạn 2014 – 2018) **[H6.06.01.33]**. Nhà trường cũng ban hành quy định về quản lý trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức Trường ĐHTN **[H6.06.01.34]** đạt chuẩn.

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng kế hoạch. Hàng năm, nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa, bộ môn có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu, thành lập các ban đánh giá xác định nhu cầu kéo dài thời gian công tác của viên chức đến tuổi nghỉ hưu **[H6.06.01.35], [H6.06.01.36]**. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho Ban chủ nhiệm khoa, lãnh đạo bộ môn và đương sự.

Hiện nay, đội ngũ GV Bộ môn đang được quy hoạch theo 01 chuyên ngành Sư phạm Hóa học. Số lượng GV của bộ môn có nhiều thay đổi trong suốt khoảng thời gian đánh giá chương trình đào tạo. Cụ thể, tính đến năm 2020, số lượng cán bộ của

bộ môn (Không bao gồm cán bộ thỉnh giảng) gồm 09 giảng viên cơ hữu, 02 kỹ thuật viên với tỷ lệ trình độ như sau: 03 TS (tỷ lệ 27.3%); 05 ThS (tỷ lệ 45.5%), và 03 cử nhân (tỷ lệ 27.2%) được thể hiện qua bảng thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của GV, nghiên cứu viên [H6.06.01.27].

Bảng 6.1. Bảng thống kê số GV trong 5 năm

Số lượng giảng viên bộ môn HÓA HỌC					
Năm học	2015 – 2016	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 – 2020
Số lượng Giảng viên	10	10	10	8	9

2. Điểm mạnh

Nguồn nhân lực trẻ là một điều kiện thuận lợi cho học tập nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Nguồn nhân lực bộ môn còn mỏng, chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu giảng dạy cho SV đại học chuyên ngành HÓA HỌC.

Hoạt động NCKH của GV đáp ứng yêu cầu của trường.

Tỷ lệ đội ngũ GV đa phần là Thạc sĩ và tiến sĩ.

Phòng lab dành cho thực nghiệm nghiên cứu của bộ môn và sinh viên chưa hoàn thành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh việc thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ cao	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học và cán bộ	Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí: 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo. Tổng số cán bộ của Bộ môn hiện nay có 9 GV cơ hữu, 02 kỹ chuyên viên và một vài GV mời giảng. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu khoa khá trẻ thông qua bảng thống kê về đội ngũ GV [H6.06.02.01] của bộ môn trong 5 năm gần đây. Khả năng giảng dạy của GV, nghiên cứu viên được hoàn thành và có khối lượng vượt giờ khá lớn qua bảng thống kê khối lượng giảng dạy từng GV [H6.06.02.02].

Tính đến thời điểm hiện nay, tỷ lệ GV/SV chính quy được quy đổi của ngành HÓA HỌC là 1/4 lớn hơn so với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT (tỷ lệ GV/Sinh viên = 1/20) [H6.06.02.03] [H6.06.02.04].

Nhằm đáp ứng đủ khối lượng giảng dạy qua các học kỳ của năm, để đảm bảo khối lượng Bộ môn kết hợp với nhà trường đã mời thêm một số GV thỉnh giảng nhằm giao lưu trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy và đáp ứng khối lượng vượt từng năm học, GV thỉnh giảng tiến hành ký hợp đồng thỉnh giảng [H6.06.02.05] với nhà trường trước khi giảng dạy. Tất cả đều phải tuân thủ theo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học [H6.06.02.03] [H6.06.02.04].

Công tác tổ chức dự giờ GV được thực hiện mỗi học kỳ do bộ môn phụ trách, phân công và nhận xét góp ý sau mỗi buổi dự giờ trên lớp [H6.06.02.06]. Cùng với công tác tự đánh giá GV mỗi năm học của Bộ môn thông qua Quy định đánh giá, phân loại thi đua hàng quý và năm học đối với công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên năm 2012 [H6.06.02.07] và năm 2018 [H6.06.02.08] [H6.06.02.9]

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua phiếu đánh giá và phân loại viên chức/người lao động [H6.06.02.10] và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua phiếu Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ [H6.06.02.11]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn, khoa đánh giá thông qua bảng thống kê số giờ tham gia

giảng dạy của GV [H6.06.02.02], thống kê, tổng hợp bài báo hội nghị, tạp chí của GV [H6.06.01.12]; Khoa cùng nhà trường có hình thức đánh giá bình xét xếp loại thi đua và khen thưởng cho GV, nghiên cứu viên theo Quyết định về việc ban hành Quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.02.13]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có biên bản họp bộ môn, khoa về bình xét thi đua khen thưởng [H6.06.02.14], danh sách cán bộ được xét thi đua khen thưởng được công bố công khai đến cán bộ [H6.06.02.15] [H6.06.02.16] [H6.06.02.17].

2. Điểm mạnh

Nguồn nhân lực trẻ là một điều kiện thuận lợi cho học tập nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn chưa có đủ đội ngũ GV cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho SV ngành HÓA HỌC.

Đội ngũ GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng đến từ các doanh nghiệp còn chưa nhiều, do vậy phần nào hạn chế việc tiếp cận với kiến thức thực tiễn tại các cơ quan tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng và cải thiện chất lượng đội ngũ GV, nghiên cứu viên cơ hữu đạt trình độ tiến sĩ hoặc cao hơn. Đẩy mạnh nghiên cứu viên học tập nâng cao trình độ đội ngũ GV cơ hữu, đề cử GV, nghiên cứu viên học tập nâng cao trình độ.	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hợp tác và đẩy mạnh các hướng nghiên cứu để tạo điều kiện cho cán bộ có cơ hội tham gia và nâng cao chất lượng nghiên cứu	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí: 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng GV hàng năm **[H6.06.03.01]**, biên bản họp bộ môn về quy hoạch cán bộ **[H6.06.03.02]**, từ đó bộ phận tuyển dụng căn cứ vào các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định qua kế hoạch chuẩn bị nhân sự thay thế cho các vị trí quan trọng.

Người đăng ký dự tuyển vào làm việc tại Trường phải có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí chuyên môn nghiệp vụ và tiêu chuẩn đặc thù nghề nghiệp của ngạch viên chức tuyển dụng tuân thủ quy chế về việc tuyển dụng và sử dụng viên chức của Trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.03.03]** **[H6.06.03.04]**, GV nghiên cứu viên sau khi trúng tuyển sẽ ký hợp đồng lao động với nhà trường **[H6.06.03.05]**. Sau khi được tuyển dụng GV, nghiên cứu viên phải tuân thủ các quyết định ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, viên chức lãnh đạo **[H6.06.03.06]**.

Sau khi qua hết thời gian đảm nhiệm chức vụ quản lý của GV, nghiên cứu viên, Lãnh đạo trường sẽ cấp lại các quyết định bổ nhiệm **[H6.06.03.07]** và các quyết định luân chuyển GV, nghiên cứu viên **[H6.06.03.08]** hoặc quyết định miễn nhiệm.

Tiêu chí lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai từ các cổng thông tin của nhà trường đã thông báo về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, vị trí cần tuyển và nội dung thông tin tuyển dụng được đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng **[H6.06.03.09]** trước thời gian tuyển dụng 30 ngày và niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Điểm mạnh

Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước, đạo đức nhà giáo.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt (Trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn) đóng góp tích cực trong việc định hướng phát triển các chuyên ngành đào tạo của bộ môn phù hợp với nhu cầu của người học và xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên số lượng ứng viên có trình độ cao nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

Hiện bộ môn chưa đạt chuẩn về số lượng GV có trình độ tiến sĩ để đào tạo cao học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Có chính sách tốt để thu hút nhân tài, đồng thời đẩy mạnh công tác học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu hút nhân tài, có chế độ đãi ngộ tốt cho cán bộ.	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí: 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên là nhóm nguồn lực lớn nhất trong một trường đại học, tạo ra chất lượng và sức cạnh tranh giữa các trường đại học. Sự phát triển về chất lượng cả chiều rộng lẫn chiều sâu của đội ngũ GV, nghiên cứu viên là mục tiêu của trường được đánh giá qua các năm với danh sách thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của GV, nghiên cứu viên **[H6.06.04.01]**.

Do sự phát triển của trường nên số lượng GV, nghiên cứu viên luôn được tuyển dụng mới. Tiêu chí tuyển dụng đầu vào của GV, nghiên cứu viên yêu cầu về chất lượng chuyên môn luôn tăng về năng lực, chuyên môn thông qua quy chế về việc tuyển dụng và sử dụng viên chức của Trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.04.02]**. Kết quả tuyển dụng được thông báo và niêm yết công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau khi được tuyển dụng GV, nghiên cứu viên nhận quyết định tuyển dụng

[H6.06.04.03] và hợp đồng lao động với nhà trường **[H6.06.04.04]** từ phòng Tổ chức Cán bộ. Bên cạnh đó sau khi được tuyển dụng vào, đội ngũ GV, nghiên cứu viên phải tuân thủ các quy định về công tác giảng dạy, giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các nhiệm vụ khác **[H6.06.04.05]** **[H6.06.04.06]** **[H6.06.04.07]** được nhà trường cập nhật, sửa đổi hàng năm.

Để Bộ môn, Khoa và Trường phát triển và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ GV, nghiên cứu viên luôn phải nâng cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ nên nhà trường khuyến khích và động viên đi học nâng cao trình độ. Tùy vào nhu cầu của cán bộ và nhu cầu nhân lực của bộ môn, đơn vị đã cử cán bộ tham gia học tập nâng cao trình độ và được nhà trường cấp Quyết định cử đi học **[H6.06.04.08]**.

Để nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học giữa các GV, nghiên cứu viên với nhau, nhà trường có ban hành quy chế hoạt động khoa học và công nghệ **[H6.06.04.09]** **[H6.06.04.10]**. Ngoài hoàn thành khối lượng giảng dạy các GV, nghiên cứu viên **[H6.06.02.05]** **[H6.06.04.06]** **[H6.06.04.07]** phải hoàn thành thêm khối lượng nghiên cứu khoa học qua từng năm học. Ngoài các báo cáo được GV, nghiên cứu viên đăng trên các tạp chí, hội nghị ngoài trường, GV, nghiên cứu viên cũng có thể gửi tạp chí khoa học của nhà trường và được nhà trường thành lập hội đồng xét duyệt đề tài NCKH **[H6.06.04.11]**. Những đề tài đạt sẽ được nhà trường cấp quyết định nghiệm thu đề tài NCKH **[H6.06.04.12]**.

Để thống kê khối lượng giảng dạy và khối lượng NCKH của GV, nghiên cứu viên, nhà trường tiến hành tổng hợp bài báo hội nghị, tạp chí **[H6.06.04.13]**, thống kê số giờ tham gia giảng dạy của GV theo từng năm học **[H6.06.04.14]**.

Nhằm góp phần đánh giá năng lực và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, nghiên cứu viên với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhà trường tiến hành phát Mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV **[H6.06.04.15]**, sau đó Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV **[H6.06.04.16]** **[H6.06.04.17]**. Đây là một kênh thông tin được phản hồi từ phía người học để khắc phục những hạn chế gặp phải.

Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong công tác giảng dạy của các GV, nghiên cứu viên nên nhà trường đã quy định đánh giá, phân loại thi đua hàng quý, năm học đối với công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên **[H6.06.04.18]** **[H6.06.04.19]** **[H6.06.04.20]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn coi trọng việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài và động viên các GV, nghiên cứu viên đi học tập nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có học hàm, học vị và chuyên môn nghiệp vụ chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên chưa đủ cả về số lượng lẫn trình độ để mở đào tạo sau đại học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị trong và ngoài trường trong việc nâng cao chất lượng nghiên cứu	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu hút nhân tài, đẩy mạnh công tác học tập và nghiên cứu khoa học	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Năng lực cạnh tranh giữa các trường đại học thông qua nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố về năng lực chuyên môn của GV, nghiên cứu viên được chú trọng và xác định rõ.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế về đội ngũ GV, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, Nhà trường thường xuyên quy hoạch đào tạo nâng cao trình độ cho GV, nghiên cứu viên **[H6.06.05.01]**. Bên cạnh đó, nhà trường đã thông báo mở các lớp

học bồi dưỡng, liên kết với các đơn vị khác để mở các lớp học nâng cao trình độ cho GV, nghiên cứu viên **[H6.06.05.02]**.

Nhằm động viên các GV, nghiên cứu viên đi học nâng cao trình độ nhà trường đã hỗ trợ về kinh phí học tập, đi lại,... thông qua quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.05.03]**. Nhưng khi GV, nghiên cứu viên hoàn thành khoá học phải phục vụ trường theo quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với GV, viên chức hành chính và người lao động thuộc trường ĐH Tây Nguyên được quy định cùng trong quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.05.03]**. Nếu GV, nghiên cứu viên được đi học mà không hoàn thành theo tiến độ đào tạo sẽ phải bồi thường lại kinh phí và khối lượng giảng dạy được miễn giảm theo quy định ban hành trong quy chế chi tiêu nội bộ, dựa vào Bảng thống kê số giờ tham gia giảng dạy của GV theo từng năm học **[H6.06.05.04]**.

Ngoài các trường có đào tạo nguồn nhân lực cao được GV, nghiên cứu viên đăng ký theo học, nhà trường cũng có những bản ký kết, hợp tác với các trường trong và ngoài nước có uy tín để giúp cho GV, nghiên cứu viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn **[H6.06.05.05]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên được nâng cao trình độ, giúp cho bộ môn Hóa học và nhà trường nâng khả năng cạnh tranh với các trường đại học.

Nhà trường luôn có nhiều biện pháp hỗ trợ cho GV, nghiên cứu viên được học tập nâng cao trình độ.

3. Điểm tồn tại

Khắc phục hiện trạng thiếu khối lượng nghiên cứu khoa học cho GV, nghiên cứu viên

Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học để sinh viên và GV cùng tham gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hoạt động nghiên cứu cho GV, nghiên cứu viên cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tạo nhiều sân chơi cho Sinh viên, kết hợp với GV, nghiên	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

		cứu viên cùng nghiên cứu khoa học.		
2	Phát huy điểm mạnh	Bộ môn HÓA HỌC kết hợp với Trường ĐH Tây Nguyên luôn chú trọng việc học tập nâng cao trình độ của GV, nghiên cứu viên. Phải phát huy sức cạnh tranh giữa trường với các trường đại học khác luôn được phát huy và nâng cao	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường xây dựng việc quản trị kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên thông qua quy định về chế độ làm việc, nghỉ hàng năm và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động [H6.06.06.01]. Mục tiêu của việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên tại bộ môn HÓA HỌC được triển khai để tạo động lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cụ thể. Để tạo động lực cho công tác đào tạo, Bộ môn HÓA HỌC thực hiện lên việc tạo bảng phân công khối lượng giảng dạy dự kiến vào đầu năm học và trình lên cấp Khoa để phê duyệt [H6.06.06.03]. Việc đánh giá kết quả làm việc của GV, nghiên cứu viên được thực hiện dựa trên kết quả thăm dò ý kiến người học về các môn học lý thuyết và thực hành [H6.06.06.04]; Bảng thống kê số giờ tham gia giảng dạy thực tế của GV, nghiên cứu viên [H6.06.06.05]. Thông qua kết quả đánh giá kết quả làm việc của GV, nghiên cứu viên, Bộ môn HÓA HỌC đưa ra danh sách khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng quý, hàng năm năm và trình lên nhà trường để kịp thời khen thưởng GV, nghiên cứu viên [H6.06.06.06]. Bảng phân công khối lượng giảng dạy được phổ biến rộng rãi đến GV vào đầu mỗi năm học [H6.06.06.02].

Để tạo động lực cho công tác NCKH và phục vụ cộng đồng, Bộ môn HÓA HỌC thực hiện theo quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường

[H6.06.06.07] [H6.06.06.08]. Bộ môn HÓA HỌC quản trị tiến độ, kết quả NCKH của GV thông qua các biên bản họp bộ môn **[H6.06.06.09]**. Nhà trường thường xuyên thực hiện thống kê khối lượng nghiên cứu khoa học hàng năm của GV để đưa ra phương hướng, nhiệm vụ cho năm học tiếp theo **[H6.06.06.10]**.

Mục tiêu việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên tại Bộ môn HÓA HỌC được thực hiện để hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Để hỗ trợ đội ngũ GV, nghiên cứu viên cập nhật chuyên môn, Bộ môn HÓA HỌC tổ chức buổi họp seminar cấp bộ môn **[H6.06.06.11]**.

Việc quản trị kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên được nhà trường, bộ môn HÓA HỌC triển khai được công khai minh bạch cho đội ngũ GV, nghiên cứu viên. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đóng góp ý kiến xây dựng thông qua bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, nghiên cứu viên cho quy chế việc làm và quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ **[H6.06.06.06] [H6.06.06.07]**.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị kết quả công việc của GV và nghiên cứu viên luôn được Nhà trường, Khoa, Đơn vị công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa và bộ môn HÓA HỌC luôn chú trọng công tác NCKH của GV và nghiên cứu viên, nhưng công tác hỗ trợ NCKH còn gặp một vài khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hình thành các nhóm nghiên cứu để GV có cơ hội được tham gia và phát triển	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Đơn vị cần tăng số buổi seminar khoa học cấp khoa, cấp bộ môn để có những định hướng cho GV, nghiên cứu viên.	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường công nhận loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên thông qua quy chế hoạt động khoa học và công nghệ [H6.06.07.01].

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động quan trọng đối với đội ngũ GV trong bộ môn. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH được xác lập rõ ràng [H6.06.07.02]. Thông qua các buổi seminar bộ môn thực hiện phân công nghiên cứu khoa học cho GV [H6.06.07.03]. Kết thúc năm học Bộ môn, Khoa và nhà trường có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của GV thông qua các thông báo kê khai hoạt động khoa học trong năm [H6.06.07.04]. Thông qua báo cáo năm học cũ, đơn vị đưa ra phương hướng, nhiệm vụ cho NCKH cho năm học tiếp theo [H6.06.07.05].

Các đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn bài giảng giáo trình của GV và nghiên cứu viên luôn được nhà trường, Bộ môn giám sát thông qua báo cáo tổng kết công tác năm học cũ của đơn vị [H6.06.07.05]. Bộ môn HÓA HỌC thực việc thống kê công tác nghiên cứu khoa học của GV [H6.06.07.04] thông qua tổng hợp bài báo khoa học của GV, nghiên cứu viên, đề tài nghiên cứu khoa học [H6.06.07.06], công tác biên soạn giáo trình, bài giảng của GV trong khoa, để đưa ra phương hướng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho năm tiếp theo [H6.06.07.05].

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên trong 5 năm học vừa qua, thống kê cụ thể như sau:

Bảng 6.4. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu khoa học

Năm học	Số GV	Đề tài NCKH		Bài báo		Giáo trình	Bài giảng
		Cấp cơ sở	Cấp trên cơ sở	Trong nước	Ngoài nước		
2015 – 2016	10	3	0	8	0	0	0
2016 – 2017	9	4	0	7	0	2	0
2017 – 2018	9	4	0	10	0	0	0
2018 – 2019	9	3	1	12	2	2	1
2019 – 2020	8	2	0	10	8	0	0

2. Điểm mạnh

Các loại hình nghiên cứu khoa học rõ ràng, nhà trường có chính sách cụ thể hỗ trợ cho đội ngũ GV, nghiên cứu viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn và nhà trường chưa xây dựng cảm nang hỗ trợ GV, nghiên cứu viên trong công tác hành chính phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường xây dựng cảm nang về thủ tục hành chính phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Đơn vị cần tăng số buổi seminar nhằm tạo môi trường tốt cho GV, nghiên cứu viên nghiên cứu khoa học nhằm tăng số ấn phẩm đăng trên các tạp chí, hội nghị khoa học quốc tế.	- Trường ĐH Tây Nguyên - Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trong những năm qua, với đội ngũ GV, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, tinh thần làm việc nhiệt tình trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, bộ môn HÓA HỌC có một đội ngũ GV, nghiên cứu viên có tuổi đời còn rất trẻ, luôn có tinh thần học hỏi, cầu tiến nâng cao trình độ chuyên môn, luôn hoàn thành tốt mọi công việc được giao. Trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thời gian qua bộ môn HÓA HỌC luôn đi đầu trong khoa về việc hoàn thành khối lượng giảng dạy, tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học đúng theo quy định và có kết quả đánh giá cao. Trong nghiên cứu khoa học, Bộ môn có một số bài báo quốc tế và trong nước có uy tín, một số bài báo được đăng trong tạp chí nhà trường. Ngoài ra GV, nghiên cứu viên đã hướng dẫn sinh viên cùng nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi do Nhà trường, Khoa, Đoàn thanh niên tổ chức và đạt giải rất cao.

Trừ các hoạt động được nêu trên, công tác đánh giá, quy hoạch GV, đào tạo GV có trình độ cao vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về nguồn nhân lực chất lượng cao, cũng như chiến lược cạnh tranh giữa các Trường đại học có đào tạo ngành HÓA HỌC chưa đồng nhất nói riêng và các trường đại học trên thế giới nói chung.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành HÓA HỌC tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí, với mức đạt 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Nhà trường và Khoa KHTN&CN luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường và Khoa luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự, Nhà trường xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHTN giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01], từ đó thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHTN [H7.07.01.02]. Bên cạnh đó, Trường có những chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu

nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;... **[H7.07.01.03]**.

Ngoài đội ngũ GV trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và NCKH, đội ngũ nhân viên hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa.

Nhà trường đã có những chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Những SV tốt nghiệp tại Trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin được giữ lại phục vụ ở các phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, các phòng ban hành chính. Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.01.04]**.

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: cố vấn học tập, một trợ lý chuyên trách công tác đào tạo đại học và công tác SV, một trợ lý kiêm nhiệm phụ trách công tác hoạt động khoa học của Khoa, quản lý đào tạo sau đại học và một trợ lý kiêm nhiệm phụ trách công tác mời giảng, công tác tài chính và một số công tác khác của Khoa **[H7.07.01.05]**.

Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

2. Điểm mạnh

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa KHTN&CN đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay nhà trường có khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên nhưng chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát phản hồi các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa KHTN& CN	Năm học 2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Ban giám hiệu và lãnh đạo các đơn vị, phòng ban	Hàng năm

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trong các chính sách về nhân sự nói chung, chính sách về tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên hỗ trợ được Trường quy định cụ thể trong Quy chế về công tác cán bộ [H7.07.02.01].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm 5 bước: Xác định nhu cầu, tiêu chuẩn và thông báo tuyển dụng; tiếp nhận, sơ tuyển hồ sơ, tiếp xúc, hướng dẫn ứng viên; tổ chức thi; xét duyệt kết quả và công bố kết quả thi tuyển; ký kết hợp đồng làm việc [H7.07.02.02].

Việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính hỗ trợ là yêu cầu bắt buộc thường xuyên, áp dụng với tất cả các cán bộ, viên chức của Nhà trường. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên **[H7.07.02.03]**.

Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và trên cổng thông tin ttn.edu.vn của Nhà trường **[H7.07.02.04]**.

Khoa KHTN&CN luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa KHTN&CN **[H7.07.02.05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo và kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch.

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành SPHH.

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.	Khoa KHTN&CN	2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh		Khoa KHTN&CN	2021 – 2022

		Luôn tuân thủ quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Nhà trường.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Nhà trường có Quy định đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm cụ thể, trong đó, có quy định rõ ràng về năng lực của đội ngũ nhân viên **[H7.07.03.01]**. Đội ngũ chuyên viên thuộc các phòng ban chức năng của Nhà trường và chuyên viên hỗ trợ của Khoa được tuyển dụng dựa theo nhu cầu công việc và các tiêu chí được xác định cụ thể **[H7.07.03.02]**. Vì thế, năng lực của đội ngũ nhân viên được đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước **[H7.07.03.03]**. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực công việc cụ thể.

Hằng năm, Khoa và Nhà trường đều thực hiện việc đánh giá năng lực nhân viên sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ qua các bước: Bước 1- Viên chức và người lao động tự đánh giá, xếp loại chất lượng; Bước 2 - Tổ chức đánh giá, xếp loại ở đơn vị; Bước 3 - Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy hoặc chi bộ (không có chi ủy) nơi viên chức quản lý công tác, việc nhận xét đánh giá kết quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao theo các nội dung - tiêu chí được đưa ra trong Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động Trường ĐHTN **[H7.07.03.04]**. Sau đó, bước 4 - Tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cấp Trường thông qua các cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng cấp Trường căn cứ vào: Đánh giá, nhận xét của cấp ủy (đối với viên chức quản lý); Đề xuất đánh giá xếp loại chất lượng của đơn vị trực tiếp quản lý; Ý kiến của các đơn vị chức năng liên quan; Giải trình của VC và NLD (nếu có); Ý kiến thảo luận của cuộc họp cấp trường để đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại **[H7.07.03.05]**.

Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (chuyên viên và GV kiêm nhiệm) của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Các cán bộ hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Danh hiệu khen thưởng là sự

ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với các thành tích, đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.06].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có năng lực tốt, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc, vì hiệu quả của quá trình đào tạo. Nhà trường và Khoa có xác định tiêu chí, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ nhân viên. Hàng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý; năng lực ngoại ngữ và tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và sử dụng bộ công cụ đánh giá năng lực GV kiêm nhiệm.	Khoa KHTN&CN	2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tập trung chỉ đạo việc khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và tạo điều kiện tối đa về mặt thời gian cho cán bộ kiêm nhiệm; đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.	Khoa KHTN&CN	Hàng năm

5. Tự đánh giá: 3/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ các hoạt động đào tạo ngành SPHH của Khoa KHTN&CN có trình độ chuyên môn, có kỹ năng xử lý công việc tốt. Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa đã khảo sát nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học [H7.07.04.01].

Từ năm 2017, Khoa đã có khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên và đề xuất với Nhà trường để triển khai các hoạt động bồi dưỡng nhằm đáp ứng những nhu cầu đó [H7.07.04.02]. Trong 5 năm qua, các viên chức của nhà trường nói chung và ngành SPHH nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Nhà trường có phân bổ ngân sách riêng cho hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Các cán bộ GV, nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ: hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (IELTS hoặc TOEFL, 1 lần duy nhất),... Các chế độ hỗ trợ được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Khoa luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành SPHH.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV kiêm nhiệm.	Khoa KHTN&CN	2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, đồng thời chỉ đạo cán bộ tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường.	Khoa KHTN&CN	2021 – 2022

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá. Khoa KHTN&CN cũng có văn bản quy định công việc của các cán bộ hành chính và GV kiêm nhiệm của khoa [H7.07.05.01].

Nhà trường thường xuyên giám sát, theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua hoạt động của phòng Thanh tra Pháp chế, thông qua bảng chấm công hàng tháng. Khoa KHTN&CN luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực

hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng **[H7.07.05.02]**.

Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét tặng các danh hiệu thi đua như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở **[H7.07.05.03]**.

2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc phù hợp với tình hình thực tế của Khoa và ngành đào tạo SPHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.	Khoa KHTN&CN	2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá chất lượng viên chức, người lao động theo kết quả công việc	Lãnh đạo trường và lãnh đạo các đơn vị	Hàng năm

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận của tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành SPHH có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra, Ngành

SPHH luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 4,2/7

TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Triết lý giáo dục của trường ĐHTN hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những NLD có phẩm chất, năng lực phát triển song hành và toàn diện; có trách nhiệm cao với cộng đồng và luôn có tư duy sáng tạo trong học tập và lao động. Do vậy, các vấn đề liên quan người học luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc ban hành và thực thi chính sách tại trường ĐHTN. Với triết lý giáo dục hướng đến khai thác và phát huy mọi tiềm năng của người học, nhà trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh linh hoạt và cập nhật, hướng đến mục tiêu giải quyết việc làm và nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Trong nhiều năm qua, CTĐT ngành SPHH được thiết kế mang tính mở, cơ động nhưng vẫn đảm bảo tính chuẩn mực và tiến độ. Để làm được điều này, CTĐT ngành SPHH một mặt thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường, mặt khác còn tự xây dựng quy trình thực hiện, hỗ trợ người học theo đặc thù của chuyên ngành, được đầu tư và rút kinh nghiệm qua các năm để ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành theo từng năm của Bộ GD&ĐT [**H1.08.01.02**], Trường ĐHTN đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh được thể hiện bằng các văn bản hoặc đề án. Đối với mỗi CTĐT Nhà Trường đều có thông tin tuyển sinh cụ thể. Bên cạnh đó, trước mỗi năm tuyển sinh, trường đều xây dựng chính sách cũng như thiết kế các hoạt động truyền thông cho công tác tuyển sinh.

Kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học của Trường ĐHTN nằm trong kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Trường ĐHTN có 01 phòng chức năng trong việc

xây dựng kế hoạch tuyển sinh là phòng ĐTĐH. Trước mỗi kì tuyển sinh, Nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh với sự điều chỉnh, bổ sung thành viên phù hợp tình hình thay đổi nhân sự của Trường **[H1.08.01.01]**. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng. Căn cứ vào các quy định và quy chế hiện hành, phòng ĐTĐH tiến hành biên soạn các văn bản dự thảo về công tác tuyển sinh. Sau đó, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp, thống nhất và biên soạn một số các văn bản như: Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh **[H1.08.01.03]**, xây dựng đề án tuyển sinh **[H1.08.01.04]**; Thông báo tuyển sinh các hình thức đào tạo chính quy và VLVH **[H1.08.01.06]**, bao gồm các thông tin về kế hoạch, tổ chức công tác tuyển sinh cho các hình thức đào tạo và các CTĐT. Ngoài ra, để công tác tuyển sinh được tổ chức một cách hiệu quả, Nhà trường còn thành lập các Ban, các tổ chuyên trách thực hiện các công việc có liên quan công tác tuyển sinh **[H1.08.01.05]**.

Cùng với việc đăng ký, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh thì Nhà trường cũng công khai và áp dụng các chính sách để tuyển sinh cho từng CTĐT **[H1.08.01.08]**, **[H1.08.01.13]**.

Các chính sách tuyển sinh như khối thi, chỉ tiêu, chế độ ưu tiên, ưu tiên tuyển thẳng của Trường được xây dựng và ban hành theo quy định của Bộ GD&ĐT **[H1.08.01.06]**, hàng năm Nhà trường đều tiếp nhận SV dự bị và cử tuyển cho các đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số **[H1.08.01.13]**.

Mỗi năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh theo quy định Nhà trường đều thực hiện việc báo cáo với Bộ GD&ĐT để làm căn cứ cho thực hiện, rút kinh nghiệm và triển khai các công tác tuyển sinh cho năm tiếp theo **[H1.08.01.13]**.

Các thông tin về tuyển sinh của Trường nói chung và của Chương trình SPHH nói riêng về số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện xét tuyển, quy trình xét tuyển được xác định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường **[H1.08.01.11]**. Nhà trường sử dụng nhiều hình thức truyền thông để thực hiện công tác tuyển sinh. Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hàng năm do Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên tổ chức **[H1.08.01.07]**; Nhà trường tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh về các trường trung học phổ thông để giới thiệu và tư vấn cho học sinh về các ngành nghề và thông tin tuyển sinh của Nhà trường **[H1.08.01.08]**; Thực hiện việc in ấn các tờ rơi tuyển sinh hoặc các cuốn thông tin tuyển sinh để chuyển đến cho học

sinh và các đối tượng cần tham khảo [H1.08.01.09]; Thông tin tuyển sinh cũng được đăng tải trên website của Nhà trường tại địa chỉ <http://ttn.edu.vn/tuyen-sinh> [H1.08.01.11]. Đề án tuyển sinh cũng được Nhà trường công khai trên website của Nhà trường [H1.08.01.11] và website của Bộ GD&ĐT [H1.08.01.12].

CTĐT ngành SPHH tuyển chọn những SV theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo đề án tuyển sinh của Trường. Trong đó, thí sinh có đủ điều kiện về kiến thức, có năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, nghề nghiệp. Việc tuyển sinh của Nhà trường đối với ngành SPHH được thực hiện chủ yếu thông qua 2 hình thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT và dựa vào kết quả thi THPT quốc gia.

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành. Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh, được công bố công khai trên website và được phổ biến trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Chính sách tuyển sinh của Trường được điều chỉnh, cập nhật theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng quảng bá hình ảnh đào tạo đến thí sinh trong những năm qua chưa thật hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều thí sinh ở các khu vực khác ngoài khu vực Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hoạt động quảng bá tuyển sinh đa dạng hóa phương thức tuyển sinh	Phòng ĐTDH/ Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh	Phòng ĐTĐH/ Ban tư vấn tuyển sinh	Hàng năm
---	--------------------	---	-----------------------------------	----------

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào văn bản hướng dẫn xác định chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT [H1.08.01.01] để xác định các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, căn cứ vào việc báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu SV tốt nghiệp các năm [H4.08.04.01], Nhà trường tổ chức họp, thảo luận để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và trên thực tế yêu cầu của các ngành học trong Trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng [H2.08.02.01], [H2.08.02.02].

Bằng việc sử dụng các phương tiện truyền thông khác nhau Nhà trường đã thực hiện việc công khai các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng và đúng quy định. Tất cả các tiêu chí tuyển sinh của từng CTĐT như: Mã ngành tuyển sinh, ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo, chỉ tiêu dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, thông tin về khoa và ngành đào tạo, hình thức thi tuyển/xét tuyển đều được trình bày và phân tích trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H1.08.01.04], trên các tờ rơi, cuốn thông tin tuyển sinh [H1.08.01.09]. Ngoài ra, các thông tin trên cũng được đăng tải trên website của Nhà trường [H1.08.01.10]. Sau kỳ thi, Nhà trường cũng đều công bố các kết quả thi của học sinh, chỉ tiêu xét tuyển, điều kiện xét tuyển, danh sách học sinh trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh. Điểm trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh họp và xác định với tiêu chí đảm bảo chất lượng và đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT [H2.08.02.02].

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV vào học ngành SPHH được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đề án tuyển sinh của Nhà trường và được rà soát hàng năm. Theo đó, điều kiện tham gia xét tuyển là thí sinh phải tốt nghiệp THPT, đủ sức khỏe học tập. Thí sinh lựa chọn một trong ba tổ hợp môn thi (Toán – Lý – Hóa), (Toán – Hóa - Sinh) và (Toán – Hóa – Anh), lấy điểm từ cao

xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và điểm chuẩn không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành Sư phạm do Bộ GD&ĐT quy định.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển chọn người học của Nhà trường là cơ sở tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành SPHH được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tổ hợp xét tuyển còn ít, tiêu chí và phương thức tuyển sinh chưa dựa trên đánh giá năng lực người học.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát các bên liên quan để xây dựng tiêu chí tuyển sinh dựa trên đánh giá năng lực người học.	Phòng QLCL	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin tuyển sinh và công bố công khai	Phòng ĐTĐH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Khi mới bắt đầu nhập học, quy trình đánh giá kết quả học tập được phổ biến tới từng SV ngành SPHH cũng như SV các ngành khác dưới dạng “Sổ tay SV”. Có văn học tập được cấp “Sổ tay cố vấn học tập” [H3.08.03.08].

Trước khi đăng ký học, SV nhận được đề cương môn học, CTĐT chi tiết với đầy đủ quy định về đánh giá kết quả [H3.08.03.02]. Nhà trường công bố công khai

“Quy định Công tác khảo thí” trên Website của trường. CTĐT được xuất bản hàng năm và cấp cho SV cũng như các đơn vị trong toàn trường. Quy chế học vụ thể hiện rõ quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc tra, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công khai, công bằng và khách quan **[H3.08.03.01], [H3.08.03.03], [H3.08.03.04], [H3.08.03.05], [H3.08.03.06]**.

Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi các hệ thống quản lý người học theo CTĐT tín chỉ. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ. Qua đó người học có thời khóa biểu cá nhân tương ứng với thời khóa biểu chung, kết quả học tập được cập nhật sau mỗi học kỳ **[H3.08.03.02], [H3.08.03.10]**. Về đánh giá và chấm điểm rèn luyện, căn cứ Quyết định ban hành Quy định về đánh giá điểm rèn luyện của SV và Quyết định ban hành Quy chế rèn luyện đối với SV của Bộ GD&ĐT **[H3.08.03.03], [H3.08.03.04], [H3.08.03.05]**.

Bộ phận được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ là CVHT của các lớp **[H3.08.03.07]**. Quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập này được quy định cụ thể trong Quy chế công tác SV **[H3.08.03.14]**.

Bên cạnh đó, các thông tin về học tập và rèn luyện đều được thông báo qua văn bản và cổng thông tin như website quản lý đào tạo của Trường, cổng thông tin SV và công tác SV gồm thông báo và các biểu mẫu, phần mềm đăng ký học **[H3.08.03.09], [H3.08.03.11], [H3.08.03.12], [H3.08.03.13]**.

2. Điểm mạnh

Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường xác định rõ yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

Hệ thống giám sát học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đúng thời hạn và có sự phối hợp giữa các bên từ cơ sở học tập đến Khoa và các phòng ban liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường chưa được nâng cấp kịp thời nên đôi lúc làm gián đoạn hoạt động tra cứu của SV.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kịp thời nâng cấp phần mềm Hệ thống tin chỉ và Quản lý đào tạo trong quản lý SV và quản lý đào tạo.	Trung tâm thông tin/ Phòng ĐTĐH	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin tuyển sinh và công bố công khai	Phòng ĐTĐH	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Để tiến hành tốt các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, Trường ĐHTN đã triển khai đồng bộ các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trong suốt quá trình SV học tập tại trường như: Tư vấn học tập, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ chỗ ở, chăm sóc y tế, hỗ trợ tìm việc làm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ các vấn đề hội nhập [H4.08.04.02], [H4.08.04.03], [H4.08.04.04], [H4.08.04.05], [H4.08.04.10].

Hoạt động tư vấn về học tập được hỗ trợ thường xuyên bởi các cố vấn học tập. Nhiệm vụ của công tác cố vấn học tập được Nhà trường quy định cụ thể tại Quyết định số 1681/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 29/8/2016 [H3.08.03.07].

Đối với hoạt động hỗ trợ về chỗ ở, vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch sắp xếp chỗ ở cho SV mới nhập học, công tác này cũng được triển khai liên tục và thực hiện theo Nội quy của Trung tâm hỗ trợ SV [H4.08.04.11].

Đối với hoạt động hỗ trợ về tài chính, kết thúc mỗi học kỳ của năm học, Phòng CTCT&HSSV đều soạn thảo thông báo xét kết quả rèn luyện và học bổng

khuyến khích học tập cho SV có thành tích tốt trong học kỳ **[H4.08.04.12]**. Việc xét điểm khuyến khích học tập cho SV chuyên ngành SPHH được thực hiện theo quy định chung của Nhà trường. Hàng năm, SV chuyên ngành SPHH đều nhận được học bổng khuyến khích học tập. Đây là nguồn động viên và cũng là động lực để SV ngành SPHH có những nỗ lực trong học tập và rèn luyện. Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên liên kết, hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tìm kiếm các nguồn học bổng từ các tổ chức trong và ngoài nước và SV ngành SPHH đủ điều kiện sẽ làm hồ sơ đề nghị được cấp học bổng **[H4.08.04.13]**. Đối với SV là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng con thương binh liệt sĩ... Nhà trường đều có chính sách miễn, giảm học phí hoặc cấp học bổng **[H4.08.04.14]**.

Về hoạt động hỗ trợ về Y tế, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho SV vào đầu và cuối khóa học. Trong thời gian học tập tại trường, tất cả SV đều được tham gia bảo hiểm y tế, việc khám, chữa bệnh được tiến hành bởi Bệnh viện trường ĐHTN **[H4.08.04.15]**. Hầu hết SV tham gia bảo hiểm y tế. Bệnh viện Trường ĐHTN nằm trong khuôn viên của Nhà trường nên rất thuận lợi cho SV trong quá trình khám, chữa bệnh cũng như tư vấn bảo vệ sức khỏe.

Về các hoạt động ngoại khóa, Nhà trường thường xuyên có kế hoạch tổ chức các chương trình, hội thi nghiệp vụ, cuộc thi... nhằm tăng thêm kiến thức và tạo thêm sân chơi cho SV. Các hoạt động văn nghệ - Thể thao cũng được Nhà trường thông qua các tổ chức: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phòng CTCT&HSSV quan tâm và thường xuyên có các kế hoạch để triển khai các hoạt động cho SV tham gia. Hàng năm, Nhà trường tổ chức những hội nghị, hội thảo, tọa đàm về nghề nghiệp và tổ chức hội chợ việc làm ngay tại khuôn viên trường **[H4.08.04.16]**. SV ngành SPHH luôn tham gia tích cực các hoạt động này.

Ngay từ đầu năm học, ngành SPHH và Khoa KHTN&CN tổ chức hoạt động đón tân SV nhằm hỗ trợ thông tin cho SV năm thứ nhất cũng như tạo sự gắn kết giữa các khóa học. Các thông tin về Hội thảo khoa học liên quan lĩnh vực khoa học giáo dục khi được tổ chức đều đăng thông báo trên website Trường, website Khoa và khuyến khích SV tham gia.

Hàng năm, khi Liên chi đoàn Khoa tổ chức các cuộc thi Nghiệp vụ sư phạm, SV các lớp SPHH tích cực tham gia và đạt được những giải cao của Ban tổ chức.

Về hoạt động thực tập sư phạm, đối với mỗi khóa SV, Bộ môn Hóa học đều thiết kế học phần Thực tập sư phạm trong thời gian 7 tuần. Đây là cơ hội để SV cọ xát nghề nghiệp với thực tế, trau dồi kỹ năng và phương pháp giảng dạy, làm nền tảng để hành nghề sau khi tốt nghiệp.

Hơn nữa, Khoa cũng tổ chức các hoạt động hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học như thông báo các khóa học về kỹ năng mềm và hướng dẫn SV tham gia ngày hội việc làm do Nhà trường tổ chức [H4.08.04.06], [H4.08.04.07], [H4.08.04.8], [H4.08.04.9].

2. Điểm mạnh

Các công tác về tư vấn học tập và hỗ trợ các hoạt động khác cho SV được Nhà Trường, các Phòng ban và Khoa phối hợp thực hiện chặt chẽ. Trong đó, Khoa và Bộ môn Hóa học luôn khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng hòa nhập và giải quyết các vấn đề sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn có nhiều SV của ngành SPHH chưa thực sự có nhiệt huyết tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các kế hoạch hoạt động ngoại khóa đảm bảo tính thực hành và hấp dẫn để thu hút SV tham gia	Đoàn thanh niên/ Hội SV	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động thi đua, khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng hòa nhập và giải quyết các vấn đề sau khi tốt nghiệp	Khoa/ Bộ môn/ Đoàn thanh niên/ Hội SV	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan có ý nghĩa rất lớn với hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu cho cả GV và người học. Trường ĐHTN rất chú trọng trong việc đầu tư, tạo cảnh quan trong khuôn viên trường và môi trường làm việc hiện đại, thân thiện và hòa hợp. Nhà trường có phòng tự học cho SV. Có nhiều bàn ghế được đặt bên ngoài các tòa nhà để SV nghỉ ngơi, học tập, làm việc nhóm khi cần thiết. Thư viện được từng bước nâng cấp về hệ thống đầu sách phục vụ cho SV cũng như cảnh quan bên trong thư viện tạo sự hứng thú cho SV khi đến học tập nghiên cứu tại đây [H5.08.05.01] [H5.08.05.02].

Nhà trường cũng thiết kế các bảng chỉ dẫn đặt theo từng khu để SV và khách đến trường thuận tiện trong liên hệ làm việc. Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học được thiết kế tạo sự mát mẻ, dễ chịu cho CBGV, SV và khách đến làm việc, tham quan tại trường. Một số phòng học ở nhà số 6 được trang bị thiết bị điều hòa. Văn phòng làm việc của Khoa được bố trí rộng rãi, sạch sẽ, hiện đại, tạo không khí thoải mái, thân thiện, hiện đại.

Ngành SPHH có 5 phòng thí nghiệm: Hóa đại cương - Vô cơ, Hóa lý, Hóa phân tích, Hóa hữu cơ và Thực hành phương pháp giảng dạy. Các phòng học này dành cho SV ngành SPHH trong việc rèn luyện các kỹ năng thực hành và giảng dạy.

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để SV ngành SPHH có cơ hội cùng với SV các ngành khác được giao lưu, tìm hiểu về sự đa dạng văn hóa tộc người ở vùng Tây Nguyên cũng như tôn trọng, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc [H5.08.05.04], [H5.08.05.05], [H5.08.05.06].

SV năm thứ tư ngành SPHH được đi thực tế chuyên ngành 01 tuần để trải nghiệm thực tế, gắn kết lý thuyết và thực hành [H5.08.05.07].

SV ngành SPHH năm thứ ba được thực hiện Kiến tập sư phạm tại các Trường THPT trên địa bàn tỉnh. Đây là môi trường rất thuận lợi cho việc làm quen với trường THPT, quan sát các mô hình hành vi diễn ra ở trường THPT để tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động thực tập sư phạm diễn ra vào năm thứ 4.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá về mức độ hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường, Khoa. Môi trường và cảnh quan của nhà trường được GV và SV đánh giá tốt bởi đã tạo sự hứng thú, phát huy khả năng học tập và nghiên cứu **[H5.08.05.03]**.

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội, thân thiện, thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết bẩn và hư hỏng do ý thức của một số SV còn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tuyên truyền, nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn CSVN, cảnh quan, môi trường trong nhà trường.	Đoàn thanh niên/ Hội SV	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học.	Phòng quản trị thiết bị	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Ngành SPHH luôn theo sát chính sách tuyển sinh và tuân thủ chính sách đào tạo của Nhà trường. Trong quá trình hoạt động, Bộ môn Hóa học đã xây dựng quy trình hỗ trợ người học một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả nhằm cung cấp kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng cho người học. CTĐT ngành SPHH có hệ thống giám sát và quản lý tiến độ học tập và rèn luyện của SV chặt chẽ. Ngoài ra, Bộ môn Hóa

học, Khoa KHTN&CN và Nhà trường luôn xây dựng môi trường học tập mang tính hòa hợp, tích cực cho SV.

Tuy vậy, chất lượng quảng bá hình ảnh đào tạo đến học sinh THPT trong những năm qua chưa thật hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều thí sinh ở ngoài địa bàn Tây Nguyên.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: 5/7

TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Nhận thức được tầm quan trọng của CSVC trong hoạt động đào tạo và NCKH, nhằm mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHTN đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v... mà bộ môn Hóa học – Khoa KHTN & CN đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHTN là cơ sở giáo dục được Nhà nước giao cho sử dụng diện tích đất khá lớn, đây là một lợi thế mà ít cơ sở giáo dục đại học nào ở nước ta sánh được. Vì vậy, Nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc tăng cường CSVC, nhất là việc xây dựng hệ thống phòng học và phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp cho việc tổ chức đào tạo, đủ điều kiện để mở rộng và phát triển dần qui mô đào tạo **[H9.09.01.01]**.

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC, phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Từ năm 2008 đến nay, Trường ĐHTN đã đầu tư xây dựng mới 04 hệ thống giảng đường, tu sửa, nâng cấp 01 giảng đường, với tổng số 120 phòng học. Đặc biệt, đầu năm 2019, Trường đưa vào sử dụng toà Nhà Điều hành 7 tầng, vì thế việc giải quyết công việc của Nhà trường diễn ra nhanh chóng, thuận lợi. Các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 2- 4 gian tùy theo qui mô của từng khoa **[H9.09.01.02]**.

Trường ĐHTN có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, SV BỘ MÔN HÓA HỌC được bố trí học trong số 120 phòng học của Nhà trường với tổng diện tích sử dụng là 9220 m². Từ năm 2019, tất cả các phòng học của giảng đường số 6 đều có máy điều hòa nhiệt độ.

Các phòng học tin học có hệ thống máy vi tính hiện đại kết nối mạng. Các phòng học ngoại ngữ có máy tính nối mạng, có phần mềm phù hợp; trang thiết bị chuyên dụng và hiện đại [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Ngoài ra, BỘ MÔN HÓA HỌC còn được trang bị 01 phòng bộ môn với đầy đủ trang thiết bị như máy tính có kết nối mạng, máy in để các cán bộ bộ môn họp, seminar, sinh hoạt học thuật ở bộ môn; 04 phòng thực hành hóa học phục vụ cho SV làm thí nghiệm các môn học và NCKH [H9.09.01.06], [H9.09.01.07].

GV, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPHH [H9.09.01.08].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT hầu hết đều hài lòng [H9.09.01.09].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm, với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với chuyên ngành SPHH, phục vụ cho dạy học lý thuyết và thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Văn phòng BỘ MÔN HÓA HỌC có diện không đủ rộng để tổ chức các sinh hoạt chuyên môn, các buổi bảo vệ chuyên đề, khóa luận cho SV, chưa có đủ không gian để các tủ sách tư liệu cho SV tham khảo.

Năm học 2019-2020, BỘ MÔN HÓA HỌC sẽ đề xuất với Nhà trường các vấn đề sau: bố trí đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, seminar phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH cho ngành SPHH; bố trí không gian để các cố vấn học tập, các trợ lý tiếp xúc, làm việc với SV; tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của ngành SPHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng thêm số phòng thí - Xây dựng khu vực riêng chứa hóa chất thí nghiệm. - Nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn - Bố trí các phòng tự học cho SV	Trường ĐHTN	01/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đủ số lượng phòng học - Đủ số lượng phòng thí nghiệm			

5. Tự đánh giá tiêu chí 9.1: 4/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện của trường ĐHTN có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.

1. Mô tả

Được thành lập năm 1977, hiện nay, Thư viện trường là một tòa nhà 3 tầng khang trang do Ngân hàng Thế giới tài trợ xây dựng vào năm 2008 bao gồm các phòng học, hội trường, phòng máy tính, kho sách, phòng đọc với hàng ngàn chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Thư viện trường được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện trường có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn. Từ năm 2012, Thư viện trường đã có qui định về thời gian mở cửa và các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện. Thư viện trường mở cửa phục vụ hai buổi/ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Số lượng học sinh, SV đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm [H9.09.02.02].

Thư viện trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và

tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học [H9.09.02.03]. Tính đến tháng 6/2020, Thư viện trường có khoảng 128.899 tài liệu, gồm giáo trình, sách tham khảo, tạp chí, chưa kể hàng nghìn luận án, luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm [H9.09.02.04]. Các đầu sách của Thư viện trường đảm bảo phục vụ cho SV tham khảo học tập và GV giảng dạy các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường. Nguồn tài liệu của Thư viện trường được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib) [H9.09.02.05]. Từ cuối năm 2016, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Bên cạnh đó, Thư viện trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Để phát huy hiệu quả hoạt động thông tin thư viện, hàng năm Thư viện trường tổ chức các lớp bồi dưỡng “*Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện*” cho cán bộ và học sinh, SV đầu. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Thư viện trường quan tâm thường xuyên. Số lượng sách, tài liệu tham khảo dùng cho ngành SPHH lên tới hàng nghìn đầu sách. Trong đó, có nhiều tiểu luận, luận văn thạc sĩ của SV, học viên cao học Trường ĐHTN [H9.09.02.06], [H9.09.02.07], [H9.09.02.08].

GV, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành SPHH cho thấy GV và SV rất hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Hầu hết người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt [H9.09.02.09], [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường của Trường ĐHTN hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và GV. Thư viện điện tử cho phép GV và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành SPHH, đặc biệt tài liệu về Khoa học Hóa học, phương pháp dạy học Hóa học chưa nhiều; thời gian phục vụ

người học và đọc tài liệu tại chỗ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Mua thêm sách chuyên ngành - Tăng thời gian phục vụ người học	Trường ĐHTN	01/2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Số lượng giáo trình phục vụ cho người học tương đối đầy đủ - Môi trường học tập tốt	Trường ĐHTN	01/2022

5. Tự đánh giá tiêu chí 9.2: 4/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHTN đã ra quyết định thành lập Trung tâm thực hành thí nghiệm, ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường. Nhà trường cũng đã có những quyết định liên quan đến việc quy hoạch phòng thực hành, thí nghiệm, quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị; quản lý có hiệu quả CSVC của Nhà trường [H9.09.03.01]. Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm đã được sơ đồ hóa.

Đặc biệt, Trường ĐHTN có Trường Thực hành Cao Nguyên nằm ngay trong khuôn viên trường, hệ thống lớp học, hệ thống phòng chức năng, trang thiết bị giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn và đội ngũ giáo viên 100% có trình độ đại học trở lên.

Ngoài việc thực hành ở Trường Thực hành Cao Nguyên, SV ngành SPHH còn được rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản trong 4 hệ thống giảng đường (giảng đường số 6, số 7, số 8, số 9) của trường. Tất cả các phòng học của 4 hệ thống giảng đường này đều có đầy đủ máy chiếu và hệ thống âm thanh, ánh sáng thuận tiện cho việc tập giảng, làm việc nhóm, seminar của SV [H9.09.03.02].

Ngoài ra, để tạo “bối cảnh nghề nghiệp thực” cho SV ngành SPHH trong rèn

luyện kỹ năng sư phạm, Trường ĐHTN còn phối hợp với các trường THPT trong địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Các học phần “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên”, “Thực tập sư phạm” trong CTĐT ngành SPHH đều được triển khai ở hệ thống các THPT này [H9.09.03.03].

2. Điểm mạnh

Tất cả các CSVC, trang thiết bị của Nhà trường được bổ sung, sửa chữa hằng năm nhằm nâng cao chất lượng dạy học. GV, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng đối với CSVC, thiết bị của Nhà trường.

CSVC, trang thiết bị, môi trường thực hành nghề nghiệp đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành SPHH cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, còn phục vụ tốt cho hoạt động NCKH và thực hiện đề tài, dự án các cấp. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Các phòng thực hành thí nghiệm còn chật hẹp, trang thiết bị còn hạn chế; chưa có phòng, kho đựng hóa chất thực hành thí nghiệm riêng dẫn đến những bất tiện trong quá trình sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Bố trí thêm phòng, kho đựng hóa chất thực hành thí nghiệm - Bảo dưỡng định kỳ hệ thống phòng thực hành	Trường ĐHTN	01/2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Sử dụng tốt các phòng thí nghiệm có sẵn - Phát huy hết các thiết bị dạy học sẵn có	Trường ĐHTN	01/2022

5. Tự đánh giá tiêu chí 9.3: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có Trung tâm công nghệ thông tin có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường ĐHTN. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng v.v. đều do Trung tâm công nghệ thông tin đảm nhiệm [H9.09.04.01].

Trường ĐHTN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 800 bộ máy vi tính để bàn, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.09.04.02]. Cán bộ, GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ... @ttn.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Công tác bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường được thực hiện kịp thời [H9.09.04.03]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công nghệ thông tin của Trường đều hài lòng [H9.09.04.04].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường đã được tin học hóa, đã sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

3. Điểm tồn tại

Mạng wifi của Trường còn yếu, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử

dụng được dạng bài tập trắc nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin - Nâng cấp các phần mềm quản lí	Trường ĐHTN	01/2022
2	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng có hiệu quả nguồn internet của Nhà trường	Trường ĐHTN	01/2022

5. Tự đánh giá tiêu chí 9.4: 4/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Trường ĐHTN có các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn trên cơ sở các quy định của Chính phủ, Bộ, Ngành liên quan, ví dụ như Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường và khuôn viên toàn trường. Các ngày “*Chủ nhật xanh*” thường được phát động để môi Trường ĐHTN thực sự “xanh, sạch, đẹp”. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên SV, Trường có Bệnh viện thực hành của Khoa Y được với đầy đủ y bác sĩ và các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu

khám và chữa bệnh kịp thời cho SV và GV khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.02]. Bệnh viện Trường thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho SV và cán bộ của Trường.

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường.

Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường luôn sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban Giám hiệu quan tâm. Nhà trường đã thành lập Phòng Bảo vệ, nhân viên bảo vệ của Trường thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng, qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các qui định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ [H9.09.05.03]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích [H9.09.05.04]. Đến năm 2014, nhằm nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa công tác an ninh trường học, Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản [H9.09.05.05].

GV, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV; có Bệnh viện thực hành phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và SV.

3. Điểm tồn tại

Ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của người học còn kém; thùng rác công

cộng trong khuôn viên trường chưa đủ, chưa thực hiện phân loại rác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Quy hoạch lối đi riêng cho SV khuyết tật - Đặt thêm các thùng rác ở các khu giảng đường	Trường ĐHTN	01/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Môi trường Nhà trường xanh, sạch, đẹp	Trường ĐHTN	01/2022	

5. Tự đánh giá tiêu chí 9.5: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trường ĐHTN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp và đặc biệt là có *Trường Thực hành Sư phạm* phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động NCKH.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên, đối với ngành SPHH, tài liệu có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Mặc dù vẫn còn thiếu một số phòng học được trang bị phù hợp với đặc trưng của hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề của SV ngành SPHH nhưng hệ thống phòng thực hành đáp ứng đủ về số lượng, được trang bị hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 4/7

TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Tính đến nay nhà trường luôn luôn chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo bởi nó là một trong những tiêu chuẩn quyết định thể hiện uy tín và sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV ngành SPHH đạt được

CĐR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Tây Nguyên nói chung, Khoa KHTN&CN nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Điều này thể hiện rõ qua việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, đơn vị sử dụng lao động) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

CTĐT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về CSVN và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, Khoa KHTN&CN, BỘ MÔN HÓA HỌC đã kết hợp với Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.01]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.02].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ, có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV. CTĐT ngành SPHH đã được điều chỉnh số lần theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần. Nhờ vậy, CTĐT ngành SPHH qua điều chỉnh lần này đã đáp ứng được định hướng tăng cường tính thực hành, rèn luyện kỹ năng; giảm tải nội dung kiến thức mang tính lý thuyết, hàn lâm. Lần điều chỉnh gần nhất năm 2017 theo hướng đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, theo định hướng phát triển năng lực người học, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.03].

Hằng năm các SV đang học, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của GV để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến

quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá đầy đủ: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện CSVN. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết SV được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của GV. Hầu hết SV hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường **[H10.10.01.04]**.

Theo định kỳ hằng năm, thông qua việc tổ chức rèn luyện NVSP, thực tập, thực tế cho SV ngành SPHH, Nhà trường/Khoa đã thu thập các phản hồi của SV trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT. Đây là các tư liệu quý để nhà trường chỉ đạo các Khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT.

Khi kết thúc một khóa học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành SPHH từ người học sau khi tốt nghiệp. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan là cơ sở để Nhà trường và Khoa căn cứ phát triển và nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo để SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu xã hội. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi được tiến hành qua hệ thống email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV) **[H10.10.01.05]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm.

Khoa đã có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

Khoa chưa tổ chức nhiều các hội nghị, hội thảo Khoa học về thực tập sư phạm của người học để lắng nghe các ý kiến trao đổi từ các bên liên quan về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hàng năm Khoa/ bộ môn cần lấy ý kiến từ đơn vị sử dụng lao động gắn với ngành đào tạo Xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết. Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa Khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu SV để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2020 -2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV, hợp tác chặt chẽ với cơ sở thực tập Hội nghị trao đổi giữa Khoa với cựu SV, nhà tuyển dụng Rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT theo định kỳ.		

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH là cốt lõi của CTĐT. Cấu trúc của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả người học. Trường Đại học Tây Nguyên có quy trình thiết kế và phát triển CTDH, từ việc xác định mục tiêu, CDR

đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế... CTDH được thiết lập căn cứ vào CDR ngành SPHH **[H10.10.02.01]**, trường Đại học Tây nguyên và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường **[H10.10.02.02]**.

Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần **[H10.10.02.03]**; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng ĐTDH của Khoa, Trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết thì việc xin ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan, phân tích và lựa chọn dữ liệu, đề xuất thay đổi và lấy ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng, không chỉ cho đề cương chi tiết mà cả CTDH.

Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTDH để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H10.10.01.02]**.

Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của trường Đại học Tây Nguyên, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến CTĐT, sau đó Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa KHTN&CN đã thảo luận và đi đến thống nhất. Các nội dung cải tiến trong CTDH dự thảo được gửi đến GV, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng Khoa học thẩm định. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường Đại học Tây Nguyên thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH ngành SPHH áp dụng cho từng khóa học.

Từ năm học 2017 - 2018 đến nay, Nhà trường và Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, CTDH; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH,

hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.02].

Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của Khoa, các ý kiến của các GV, nhà Khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành quan tâm đưa vào kế hoạch thiết kế và phát triển CTDH. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTDH có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước [H10.10.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTDH. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và sự thay đổi của Chương trình.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành quy định cụ thể về chu trình và quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc cải tiến CTDH sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của hội đồng Khoa học Khoa.	Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình theo định kỳ 2-4 năm/1 lần	Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “Các quy định về kiểm tra đánh giá của Nhà trường”, trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Phòng Quản lý chất lượng của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các Khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi **[H10.10.03.01]**.

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành SPHH, Khoa KHTN&CN đề ra quy trình đánh giá học phần dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần, bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì **[H10.10.03.02]**. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch.

Mặt khác, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Kết quả thu được cho thấy, chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao.

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT, đồng thời theo dõi, giám sát hoạt động giảng dạy của GV. Đây là căn cứ để Khoa và Ngành có kế hoạch điều chỉnh CDR và CTĐT tương thích với nhau. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được người học đánh giá cao **[H10.10.01.02]**.

Việc dự giờ các GV được bộ môn thường xuyên thực hiện trong năm học. Bộ môn thường xuyên phát động phong trào dự giờ đánh giá đối với tất cả GV, đặc biệt với những GV lần đầu tham gia giảng dạy một học phần mới, nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, phương pháp giảng

dạy, cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Việc làm này được tiến hành ở nhiều học phần khác nhau.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải nhập điểm bộ phận trễ nhất trước ngày thi 3 ngày và điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 14 ngày sau khi thi.

Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng lịch trình của phòng Quản lý chất lượng (QLCL). Việc chấm thi, vào điểm và công bố kết quả thi được thực hiện nghiêm túc theo quy chế của Trường. Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được thanh tra, kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá SV **[H10.10.03.01]**.

Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên qua tới việc đánh giá kết quả học tập, thông qua website của Nhà trường. Kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học SPHH đều được lấy ý kiến. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, Khoa và Bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn, qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục.

2. Điểm mạnh

Đã sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc xử lý các câu hỏi kiểm tra/thi cũng như rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu .

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn.

Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

Việc rà soát việc sao chép tài liệu, trích dẫn tài liệu mới chỉ thực hiện ở hệ sau đại học đối với luận văn thạc sỹ chứ chưa được thực hiện ở tất cả các học phần của hệ đại học.

Chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CDR.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện việc rà soát trích dẫn tài liệu trong các bài thi, tiểu luận, đồ án của SV Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến từ người học, đồng nghiệp sẽ được xây dựng kế hoạch thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt cả năm học, bắt đầu từ năm học 2020 -2021. Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CĐR	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực	Khoa KHTN&CN Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

5. Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Hoạt động NCKH được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại trường Đại học Tây Nguyên [H10.10.04.01].

Nhà trường và Khoa KHTN & CN có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và SV. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành nghiên cứu đề tài Khoa học. Cùng GV NCKH, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình.

Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học. Hằng năm, GV Khoa KHTN & CN luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy; tổ chức hội nghị SV NCKH và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn Khoa với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H10.10.04.02].

Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo Khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành nhiều. Số lượng và các loại nghiên cứu của GV trong 5 năm học vừa qua thống kê cụ thể như sau [H10.10.04.03]:

Bảng 10.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
		-	-	-	-	-
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN					
2	Đề tài cấp Bộ*			1		
3	Đề tài cấp trường	4		2	6	2
4	Tổng					

Bảng 10.2. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020

1	Sách chuyên khảo				1	
2	Sách giáo trình				2	
3	Sách tham khảo					1
4	Sách hướng dẫn					
5	Tổng					

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCHK).

Hằng năm, nhà trường thông báo hoạt động NCKH SV [H10.10.04.04] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành Hóa đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo như: Áp dụng, vận dụng lí luận Khoa học giáo dục vào quá trình đổi mới PPDH, hình thức tổ chức dạy học; Vận dụng các hệ thống lý thuyết hiện đại của Khoa học chuyên ngành vào quá trình dạy học các môn học ở trường phổ thông, ... Từ NCKH, đã giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách Khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH của SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH của SV. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH của SV, Nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Công tác NCKH của SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài được nâng cao và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng nhiều.

2. Điểm mạnh

Khoa KHTN&CN có đội ngũ GV có năng lực và tích cực tham gia NCKH; có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê NCKH theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành SPHH. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; kết quả nghiên cứu của một số đề tài Khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Ngành SPHH chưa có những đề tài Khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài NCKH ứng dụng vào thực tiễn dạy học. Còn ít có tham luận ở các hội thảo Khoa học quốc tế; việc đăng bài trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế.

Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hàng năm, số lượng bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khuyến khích GV tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Tăng cường công tác NCKH của SV, khuyến khích SV đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước. Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước	Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
2	Phát huy điểm mạnh	Kinh phí đề tài cơ sở trọng điểm 50 tr/1 bài ISI, Scopus Khen thưởng bài báo	Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường Đại học Tây Nguyên và Khoa KHTN&CN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) mà cốt lõi chính là thái độ và chất lượng phục vụ sẽ góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH.

Về phía thư viện, tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy, GV và SV ngành SPHH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện **[H10.10.05.01]**. Hằng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ GV và SV.

Về công nghệ thông tin đã được Nhà trường chú trọng trong mọi hoạt động. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin **[H10.10.05.02]**.

Về phía Khoa, Ban chủ nhiệm Khoa đã cùng BỘ MÔN HÓA HỌC phân công giáo viên cố vấn học tập lớp, hàng tháng giáo viên chủ nhiệm tham dự các phiên họp của lớp nhằm nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất cho người học. Để phát huy vai trò của Cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở cố vấn học tập duy trì sinh hoạt lớp đều đặn hàng tháng **[H10.10.05.03]**.

Khoa có Trợ lý đào tạo, đội ngũ Cố vấn học tập, cố vấn học tập và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành SPHH có thể thực hiện sự phản hồi thông qua website của Khoa, Trường và thông

qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, ... **[H10.10.05.04]**.

Sau khi thu thập những ý kiến phản hồi từ những đối tượng sử dụng dịch vụ, với những thông tin phản hồi của SV liên quan và thuộc thẩm quyền xử lý của cấp Khoa, Ban chủ nhiệm Khoa cùng với các thành viên liên quan (Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Quản lý HSSV, chuyên viên văn phòng, cố vấn học tập) có cuộc họp để đưa ra những phương án xử lý kịp thời. Những phản hồi liên quan tới cấp Trường, Ban giám hiệu trường sẽ có chỉ đạo về từng bộ phận liên quan.

2. Điểm mạnh

- Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tốt được rà soát cải tiến định kỳ theo kế hoạch của nhà trường.
- Các kênh phản hồi thông tin đa dạng.
- Hỗ trợ nhiều chương trình cho SV một cách thiết thực.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của người học như thư viện, hệ thống mạng chưa được cải tiến kịp thời

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát lại máy móc, trang thiết bị máy móc ở các giảng đường, đề nghị rà soát, mua sắm, sửa chữa máy móc, nâng cấp tài liệu học tập ở thư viện, mạng wifi để phục vụ công tác dạy và học.	Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát cải tiến, thay thế, mua mới các dịch vụ hỗ trợ tiện ích (thư viện, công nghệ thông tin, phòng thí nghiệm).	Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

4. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Nhà trường thông báo đến các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát; phiếu, đường link, mà đầu mối là Phòng Quản lý chất lượng. Các thông tin thu được sẽ xử lý để làm cơ sở cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học **[H10.10.06.01]**.

Cơ chế phản hồi được đánh giá định kỳ và cải tiến. Hàng năm Phòng Quản lý chất lượng đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng thông tin thu được **[H10.10.06.02]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan được thực hiện Khoa học, hệ thống.

Cơ chế phản hồi là cơ sở nhằm nâng cao chất lượng dạy học, phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội

3. Điểm tồn tại

Sự phối kết hợp giữa các bên liên quan đôi khi còn chưa tốt với nhà trường

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phối kết hợp chặt chẽ với các bên liên quan Nên tổ chức Hội nghị, hội thảo trao đổi giữa các nhà tuyển dụng, nhà Khoa học, CBGV, cựu SV nhằm kịp thời thu được thông tin phản hồi chất lượng, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình dạy học	Trường, Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến, đánh giá cơ chế phản hồi nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển chương trình dạy học	Trường, Khoa KHTN&CN Bộ Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

		Đẩy mạnh thực hiện cơ chế phản hồi		
--	--	------------------------------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 10

TIÊU CHUẨN 11. CHUẨN ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Tây Nguyên là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho khu vực Tây Nguyên và cả nước. SPHH là ngành học thu hút được sự quan tâm của nhiều người học; nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hằng năm do Bộ GD&ĐT tổ chức. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập, thực tế và có sự đánh giá, giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm Nhà trường và Khoa KHTN & CN đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Công tác CT- HSSV và đội ngũ Trợ lý Đào tạo và Quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học. Hằng năm, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành SPHH được xác lập và giám sát chặt chẽ [H11.11.01.01].

CVHT, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV của Khoa luôn cập nhật tình hình SV, thông qua những buổi sinh hoạt lớp hằng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Quản lý SV, Trợ lý Đào tạo, CVHT đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý SV, CVHT; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi

đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.02]. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành SPHH được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý SV thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.03]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học, trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học, bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học

Đối với những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kì để Khoa và Nhà trường nắm rõ lý do và hướng giải quyết. Khoa cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực [H11.11.01.04]. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học SPHH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV ngành SPHH tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2021, Khoa sẽ đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của người học.	Trường, Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chế độ giám sát chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa đối với tiến trình hoàn thành CTĐT, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV	Trường, Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2009, khoa KHTN & CN bắt đầu thực hiện qui định đào tạo hệ đại học chính qui theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu của SV mỗi khóa đào tạo trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm. Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo, trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình **[H11.11.02.01]**.

Số liệu trên cho thấy, đa số SV ngành SPHH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua CVHT, Trợ lý đào tạo. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, CVHT, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Số liệu trên cũng cho thấy, tỷ lệ phần trăm SV của ngành SPHH hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, đều ở mức từ xấp xỉ 80% trở lên. Riêng năm học 2016 -2017, tỷ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để SV tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.02]**.

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, CVHT để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, vv... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ B1); do vậy, vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Năm học 2020- 2021, khoa KHTN&CN sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo tiến hành rà	Trường ĐHTN, Khoa KHTN&CN,	Từ năm học 2021 -2022

		soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học lại đối với những SV chưa đạt.	Bộ môn Hóa học	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa công tác quản SV nhằm đạt hiệu quả tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành SPHH cao hơn nữa.	Trường ĐHTN, Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, trường Đại học Tây Nguyên đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, là đơn vị đầu mối hợp tác giữa trường Đại học Tây Nguyên với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.01]**.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV **[H11.11.03.02]**; có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho trợ lý quản lý SV duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho BCN Khoa/Viện để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ **[H11.11.03.03]**.

SV tốt nghiệp ngành SPHH làm việc chủ yếu ở môi trường giáo dục, trong đó số SV làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài

chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành SPHH.

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành SPHH đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của Ngành, trong đó coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành SPHH làm trái ngành, trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, nhưng cũng phản ánh nội dung đào tạo trong nhà trường còn thiên về lý thuyết. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó, SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm, từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng, đồng thời chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các SV ở các môi trường làm việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và khảo sát vị trí việc làm của SV tốt nghiệp.	Trường ĐHTN, Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

		- Tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng địa phương, như các Sở GD&ĐT cũng như các Phòng Giáo dục ở các địa phương để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.		
2	Phát hy điểm mạnh	Tiếp tục tiến hành khảo sát tình hình SV tốt nghiệp ngành SPHH để có số liệu phân tích kiểm soát, đối sánh và nâng cao chất lượng đào tạo.	Trường ĐHTN, Khoa KHTN&CN, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021 -2022

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trường Đại học Tây Nguyên có bộ phận chuyên trách quản lý khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện CSVN, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường, đó là Phòng Khoa học và Quan hệ Quốc tế **[H11.11.04.01]**.

Ngành SPHH có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, tham gia hướng dẫn SV thực hiện tốt hoạt động NCKH **[H11.11.04.02]**. Hoạt động NCKH của SV luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Nhà trường và khoa KHTN & CN **[H11.11.04.03]**.

Bên cạnh đó, các cán bộ của Khoa còn chủ trì hoặc tham gia viết các tài liệu tham khảo, các đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ có sự tham gia của người học và cựu

người học **[H11.11.04.04]**. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, học viên, SV trong Khoa và các nhà khoa học.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH theo mô hình của trường đại học nghiên cứu, SV ngành SPHH được khuyến khích tham gia NCKH ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa. Hoạt động NCKH của SV ngành SPHH bao gồm các bài tiểu luận, các bài báo khoa học, các đề tài NCKH được nghiệm thu, trong đó chủ yếu là các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp cuối khóa **[H11.11.04.05]**.

2. Điểm mạnh

Một số GV trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn đồng nghiệp và SV NCKH.

Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV ngành SPHH chưa tích cực tham gia NCKH, thành tích NCKH chưa tương xứng với tiềm năng của SV ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và Khoa cùng các Bộ môn của Khoa phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội SV đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng	Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường và Khoa, Bộ môn, Đoàn Thanh	Từ năm 2022

		cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV. - Đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ GV đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH.	niên, Hội SV, CVHT và GV	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục dành kinh phí nghiên cứu cho SV theo quy định. - Động viên, khích lệ GV tích cực hướng dẫn SV NCKH.	Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường và Khoa, Bộ môn, Đoàn Thanh niên, Hội SV, CVHT và GV	Từ năm 2022

5. Tự đánh giá: 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hằng năm, Nhà trường và khoa KHTN&CN tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới **[H11.11.05.01]** nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo. GV và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính

sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để rà soát chiến lược đào tạo, xem xét các ý kiến đóng góp của GV các khoa, trong đó có khoa KHTN&CN.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị dân chủ SV, hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và SV, đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn thể SV, góp phần khai thông thông tin, giúp khoa và các đơn vị liên quan kịp thời xử lý, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn công tác đào tạo của Nhà trường **[H11.11.05.02]**.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công, từ đó có sự điều chỉnh, cải tiến CTDH và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.03]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan, Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 tại Trường Đại học Tây Nguyên **[H11.11.05.04]**.

Ngoài ra, hằng tháng, Khoa chỉ đạo các lớp SV tổ chức sinh hoạt để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của CVHT, Quản lý SV khoa. Từ đó, bộ phận chức năng của Khoa tổng hợp ý kiến để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm đề xuất các giải pháp kịp thời để cải tiến chất lượng đào tạo và phản hồi tới người học.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT **[H11.11.05.05]** để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành học.

Ngoài ra, Trường và Khoa hằng năm cũng tiến hành khảo sát vị trí việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng.

Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành SPHH, khoa KHTN&CN. Tuy nhiên, nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV của ngành học. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để

Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của Ngành.

3. Điểm tồn tại

Mẫu biểu khảo sát bằng bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà Trường, Khoa sẽ tiến hành khảo sát mức độ mức độ hài lòng của các cơ quan và các nhà sử dụng lao động bằng các mẫu biểu khảo sát bảng hỏi đã được cập nhật và điều chỉnh.	Trường, Khoa, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021-2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai sâu rộng hơn, thực chất hơn nữa việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan để có căn cứ thực sự cần thiết cho việc phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, cải tiến và cập nhật CTĐT và CĐR của ngành	Trường, Khoa, Bộ môn Hóa học	Từ năm học 2021-2022

		SPHH đáp ứng hơn nữa yêu cầu thực tiễn.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV ngành SPHH có tỷ lệ tốt nghiệp chưa cao; SV có năng lực được đào tạo đạt chất lượng đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng, thông qua tỷ lệ hài lòng cao từ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với SV ngành.

SV tích cực tham gia hoạt động NCKH với sự hỗ trợ, hướng dẫn khoa học của đội ngũ GV trong khoa. Tuy nhiên, Khoa cần tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH và đẩy mạnh việc hình thành cho SV các kỹ năng mềm, nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc luôn thay đổi trong xu thế hội nhập quốc tế.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 4/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

Việc triển khai công tác tự đánh giá CTĐT có ý nghĩa quan trọng. Mục đích tự đánh giá CTĐT ngành SPHH là nhằm báo cáo về tình hình chất lượng, hiệu quả về hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngoài ra, đánh giá CTĐT giúp cho Nhà trường có cơ sở để xem xét đánh giá thực trạng; triển khai kế hoạch, hành động cải tiến chất lượng CTĐT. Thực hiện theo công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28/6/2016 V/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Thông tư số 04 Quy định về tiêu chuẩn ĐGCL CTĐT các trình độ của GDĐH, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH đã tiến hành triển khai, thực hiện công tác kiểm tra tự đánh giá các CTĐT.

Quá trình thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT của ngành SPHH về cơ bản đã hoàn thành và đã có những tác động tích cực đến các hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trong đơn vị, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Kết quả tự đánh giá đạt yêu cầu là 50/50 tiêu chí. Qua kết quả tự đánh giá, ngành SPHH tiếp tục *phát huy những mặt mạnh*, cụ thể như sau:

Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc và CTĐT

CTĐT ngành SPHH đã được thiết kế dựa trên các triết lý giáo dục hiện đại, có đối sánh với các CTĐT đại học trong nước. CĐR của chương trình có sự tham gia, đóng góp ý kiến của các nhà tuyển dụng, SV cuối khóa, cựu SV, GV và các chuyên gia giàu kinh nghiệm. Các CĐR của CTĐT có sự kết nối chặt chẽ với nhau ở các mặt kiến thức- kỹ năng- thái độ nghề nghiệp giúp người học định hướng phát triển năng lực trong học tập và tiếp tục theo đuổi mục đích học tập suốt đời.

Cấu trúc chương trình được phân bố hợp lý giữa các khối kiến thức, số lượng học phần và lịch trình học tập. Chương trình luôn được cập nhật và được điều chỉnh một cách hợp lý, giảm lý thuyết tăng thực hành nghề nghiệp và có tính liên thông cao.

CTĐT được công khai và thông tin qua nhiều kênh thông tin khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV và các bên liên quan có thể tra cứu một cách dễ dàng.

Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Phương pháp tiếp cận dạy và học mang tính nhất quán lấy việc học làm trung tâm và luôn phù hợp với triết lý giáo dục đã đề ra. Hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp mang tính linh hoạt, đa dạng giúp người dạy và người học đạt được chuẩn đầu ra.

Về đánh giá kết quả học tập của người học và kết quả đầu ra của CTĐT

Nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành SPHH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát hướng dẫn về công tác kiểm tra đánh giá của Trường, luôn đảm bảo tính rõ ràng, công khai theo quy trình, quy chế. Việc đánh giá về kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt về việc đo lường được mức độ đạt được CDR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá và luôn được phản hồi đến người học, giúp người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách tốt nhất.

Về đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên, nhân viên

Đội ngũ GV của CTĐT ngành SPHH có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo nghề, có trình độ cao, đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. GV được tuyển chọn theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường được công bố công khai. Trường và Khoa rất chú trọng việc khuyến khích, tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phát triển năng lực giảng dạy và nghiên cứu cho GV.

Đội ngũ cán bộ các phòng chức năng có trách nhiệm cao trong việc phối hợp với khoa đào tạo.

Hầu hết GV của ngành SPHH luôn đảm bảo định mức số giờ giảng dạy và NCKH hàng năm. Họ đều tham gia biên soạn giáo trình, bài giảng, tích cực viết bài tham luận cho các hội thảo trong và ngoài nước, tham gia nhiệt tình trong các đợt tập huấn nâng cao nghiệp vụ và năng lực SP.

Các trợ lý của Khoa và các cố vấn học tập nhiệt tình, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện trong công tác hoạt động của Khoa và của CTĐT.

Về CSVC và trang thiết bị

CSVC của Nhà trường được trang bị các thiết bị, công cụ phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của ngành SPHH. Hàng năm, Bộ môn đều lập danh sách bổ sung các tài liệu chuyên ngành.

Ngành SPHH có 05 phòng thực hành được trang bị các tiện nghi phù hợp với cách dạy học trải nghiệm, kết hợp giữa đào tạo lý thuyết và thực hành một cách thuận tiện. SV được kiến tập sư phạm và sau này là thực tập sư phạm tại Trường TH TH Cao Nguyên và Trung tâm kỹ năng sư phạm.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

2.1. Những điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được SV ý thức quan tâm đúng mức nên chất lượng khảo sát các bên liên quan chưa đồng đều.

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở cấp Khoa, Bộ môn còn hạn chế.

Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng ghi nhớ và hiểu nội dung, chưa ưu tiên cho việc đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng CTĐT với các GV khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài chưa có.

2.2. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo

Để khắc phục những tồn tại trong các tiêu chí, CTĐT ngành SPHH xây dựng kế hoạch khắc phục và cải tiến từ năm học 2021-2022 như sau:

- Tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành.

- Tiếp tục mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV; Thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ GV. Tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực. Thay đổi hình thức tổ chức các lớp học ngoại ngữ thành đào tạo theo nhu cầu riêng của từng GV. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV sau mỗi khóa học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tăng cường những đầu sách trong và ngoài nước mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực chuyên ngành SPHH. Khoa có trách

nhệm phối hợp với thư viện Trường, tìm kiếm nguồn tài liệu mới qua các mối liên kết của Khoa với những GV thuộc các trường đại học trong nước có uy tín.

Tăng cường việc trao đổi học thuật giữa các GV trong và ngoài trường, tổ chức các buổi seminar, các hội thảo theo các chuyên đề phục vụ công tác đào tạo cho ngành SPHH.

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của BGD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chuẩn đều đạt (Phụ lục 6a)

3. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo bằng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tây Nguyên**

Tên CTĐT : **Sư phạm Hóa học**

Mã CTĐT : **7140212**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4,33	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3								4,33	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100

Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,14	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4,20	5	100
Tiêu chí 7.1				4	5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3			3							
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								4,20	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,20	5	100
Tiêu chí 9.1				4						

Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4,00	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,38	50	100

Trong quá trình đánh giá, bên cạnh những thành tựu đạt được, ngành SPHH nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục. Chúng tôi sẽ nghiêm túc nhìn nhận để cùng với Khoa KHTN&CN và nhà Trường có các kế hoạch cải tiến để từng bước nâng cao chất lượng ngành SPHH tương xứng với vị thế trong sự phát triển của Nhà trường, của khu vực Tây Nguyên và của xã hội.

Đắk Lắk, ngày.....tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phần IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 05/6/2021

Thông tin chung về cơ sở giáo dục

Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Nguyên

Tiếng Anh: TAYNGUYEN UNIVERSITY

Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: TTN

Tiếng Anh: TNU

Tên trước đây (nếu có): Không

Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Thông tin liên hệ: Điện thoại 0262.35825185. Số fax 0262.3825185

E-mail: dhtn@ttn.edu.vn Website: <https://www.ttn.edu.vn>

Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 11/11/1977

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1977

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1981

Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): không

Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Khoa học Tự Nhiên và Công Nghệ

Tiếng Anh: Faculty of Science and Technology

Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Bộ môn Hóa học

Tiếng Anh: Department of Chemistry

Tên trước đây (nếu có): Không

Tên CTĐT

Tiếng Việt: SPHH

Tiếng Anh: Chemistry Teacher Education

Mã CTĐT: 7140212

Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không

Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: phòng 9.1.3 nhà 9, số 567 Lê Duẩn, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Số điện thoại liên hệ: (0262) 3 825 808

Website: <https://www.ttn.edu.vn/index.php/bmktn/ktnbmhh>

Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2006.

Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2006

Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2010

Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ được thành lập theo Quyết định Số 1577/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 19/12/2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên, trên cơ sở tách ra từ khoa Sư phạm, với 6 bộ môn: Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học, Công nghệ Môi trường.

Chức năng của Khoa KHTN&CN là một khoa chuyên ngành đào tạo cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học thuộc khối khoa học tự nhiên và đào tạo một số ngành công nghệ: Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật môi trường, các ngành cao học. Ngoài ra thời khoa cũng có thêm chức năng giảng dạy các học phần đại cương thuộc các lĩnh vực: Toán học; Vật lý; Hoá học; Sinh học và Tin học cho các Khoa đào tạo khác của trường.

Nhiệm vụ của Khoa:

1. Đào tạo trình độ đại học cho 8 chuyên ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật Lý, SPHH, Sư phạm Sinh học, Cử nhân Sinh học, Cử nhân Tin học, Công nghệ sinh học và Công nghệ kỹ thuật môi trường.

2. Quản lý 3 chuyên ngành đào tạo sau đại học: Cao học Sinh học thực nghiệm, Cao học toán giải tích, Vật lý lý thuyết và vật lý toán.

3. Dạy các môn đại cương thuộc các lĩnh vực: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Môi trường và Tin học cho các ngành khác trong toàn Trường.

Khoa có 70 GV, trong đó, có 01 Phó giáo sư, 15 tiến sĩ, 45 Thạc sĩ, 08 Cử nhân, 01 kỹ sư và 01 trình độ cao đẳng.

Qua hơn 12 năm xây dựng và phát triển, khoa có hơn 1.217 SV chính quy học tại các chuyên ngành khác nhau. Ngoài ra, khoa cũng đang đào tạo 03 chuyên ngành sau đại học là: Cao học toán giải tích (92 học viên đã tốt nghiệp và 67 học viên đang học); Cao học sinh học thực nghiệm (166 học viên đã tốt nghiệp và 29 học viên đang học). Tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường năm sau cao hơn năm trước, hàng năm, tỷ lệ SV tốt nghiệp loại khá và giỏi từ 5 - 10%. Nhiều SV ra trường đã được giữ các vị trí cán bộ chủ chốt trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp của khu vực Tây Nguyên và các vùng khác lân cận.

Hoạt động NCKH của khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ đang theo hướng tích cực. Trong 05 năm gần đây, các cán bộ giảng dạy cơ hữu của khoa tham gia đào tạo chương trình thạc sĩ đã thực hiện nhiều đề tài dự án khoa học công nghệ các cấp, trong đó, có 04 đề tài cấp nhà nước, 08 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp Tỉnh, 56 đề tài cấp Cơ sở. Thông qua các kết quả nghiên cứu của đề tài, các cán bộ đã công bố trên 147 bài báo khoa học trên tạp chí trong nước, 106 bài báo quốc tế, cán bộ Khoa tham gia 64 hội thảo trong nước, 25 hội thảo Quốc tế, 64 hội thảo Quốc gia và 21 giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo.

Bên cạnh lực lượng giáo viên cơ hữu, Khoa đã và sẽ tiếp tục hợp tác giảng dạy và trao đổi chuyên môn với các GV có trình độ chuyên môn cao của các trường đại học trong và ngoài vùng. Đây là một hướng đi phù hợp với xu thế hội nhập của toàn xã hội nhằm từng bước nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng GV sở tại và nâng cao chất lượng đào tạo.

BỘ MÔN HÓA HỌC

Thành lập năm 2006, bộ môn Hóa học gồm có 07 cán bộ với nhiệm vụ chính là giảng dạy cho các lớp dự bị đại học, xây dựng phòng thí nghiệm Hóa đại cương, hướng dẫn thực tập Hóa đại cương cho các lớp Y khoa, Trồng trọt, Lâm nghiệp và Chăn nuôi thú y. Đây là những năm tháng ghi lại nhiều dấu ấn đẹp của bộ môn Hóa, mặc dù cuộc sống vật chất thời kì sau chiến tranh rất gian khổ nhưng với nhiệt huyết

tuổi trẻ, các cán bộ của bộ môn đã cố gắng học hỏi kinh nghiệm của những người đi trước và các đồng nghiệp khác để biên soạn bài giảng và đứng lớp.

Từ năm học 2006 – 2007, bộ môn Hóa học chính thức được giao nhiệm vụ đào tạo Cử nhân SPHH nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên ngành Hóa học cho các trường phổ thông trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

Về quy mô đào tạo: Qua hơn 14 năm hình thành và phát triển, Bộ môn Hóa học đã đào tạo được 14 khóa với trên 200 SV đã tốt nghiệp. Đây là nguồn cán bộ, giáo viên có rất nhiều đóng góp không nhỏ cho khu vực Tây nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Về đội ngũ cán bộ: Chất lượng đào tạo luôn được Bộ môn chú trọng mang tính sống còn. Các cán bộ giảng dạy của Bộ môn đã không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng các yêu cầu giáo dục và đào tạo trong tình hình mới. Các thầy cô đã được đào tạo từ các cơ sở uy tín trong nước như Học Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. HCM, Đại học Huế,...trải đều trong các lĩnh vực chuyên môn: Khoa học giáo dục, Phương pháp dạy học hóa học, hóa vô cơ, hóa lý và hóa lý thuyết, hóa phân tích, hóa hữu cơ...

Hiện nay, đội ngũ cán bộ của bộ môn Hóa học có 10 CBVC, gồm 3 tiến sĩ (1 cán bộ đã hoàn thành chương trình postdoc), 06 thạc sĩ (01 NCS) và 01 KTV phòng thí nghiệm và được trình bày bảng dưới đây:

STT	Họ và tên	Liên hệ
1	TS. GVC. Phan Tứ Quý, Trưởng Bộ môn	Email: phantuquy@ttn.edu.vn
2	TS. GVC. Ngũ Trường Nhân, Phó Trưởng Bộ môn	Email: ntnhan@ttn.edu.vn
3	TS.GVC. Đinh Thị Xuân Thảo	Email: dtxthao@ttn.edu.vn
4	ThS. NCS. GVC. Phạm Thị Bé	Email: ptbe@ttn.edu.vn
5	ThS. Đặng Thị Thùy My	Email: dttmy@ttn.edu.vn
6	ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	Email: dtbhanh@ttn.edu.vn
7	ThS. Ninh Thị Minh Giang	Email: ntminhgiang@ttn.edu.vn
8	ThS. Phan Thị Thu Hà	Email: pttha@ttn.edu.vn
9	ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Email: pththoa@ttn.edu.vn
10	Kỹ Sư. Đoàn Thị Cơ Thường, Kỹ thuật viên	Email: ntctthuong@ttn.edu.vn

Về cơ sở vật chất: Bộ môn có 05 phòng thí nghiệm Hóa học đại cương, phương pháp dạy học, hóa phân tích, hóa lý và hóa hữu cơ.

Về nghiên cứu khoa học:

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo trường, Bộ môn Hóa học đã quan tâm chỉ đạo sát sao đội ngũ cán bộ của Bộ môn tham gia các hoạt động NCKH. Hằng năm ngoài việc đăng ký tham gia các đề tài NCKH các cấp, cán bộ của Bộ môn còn tham gia tích cực vào các hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài trường, tham gia hướng dẫn các đề tài khoa học của SV và tích cực nghiên cứu để có những bài báo được đăng ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, tham gia biên soạn các tài liệu được xuất bản ở những nhà xuất bản có uy tín. Thời gian qua, các cán bộ của Bộ môn đã thực hiện 01 đề tài cấp Bộ, 30 đề tài cơ sở, 02 đề tài cơ sở SV. Viết và xuất bản 08 giáo trình và sách tham khảo. Ngoài ra các cán bộ của Bộ môn còn công bố 80 bài báo trong nước, 26 bài báo Quốc tế SCI/SCIE và tham gia 2 hội nghị, hội thảo khoa học.

Những kết quả trên đây phản ánh nỗ lực phấn đấu trong giảng dạy và nghiên cứu của thầy và trò Bộ môn hóa học. Tuy nhiên kết quả này vẫn còn rất khiêm tốn, hy vọng trong những năm tới Bộ môn tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp Lãnh đạo, tạo điều kiện tốt hơn nữa cho cán bộ, SV Bộ môn tiếp tục phát huy thúc đẩy công tác nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường và theo kịp sự phát triển chung của cả nước.

Về thi đua khen thưởng: Với những nỗ lực không ngừng 14 năm qua, tập thể cán bộ Bộ môn Hóa học đã nhận được nhiều thành tích khen thưởng: nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, nhiều năm được Nhà trường tặng giấy khen, cán bộ đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 cán bộ của Bộ môn đạt chiến sĩ thi đua cấp bộ, 01 cán bộ được khen thưởng khoa học giai đoạn 2011-2015, 2016-2020.

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Chức vụ	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Lãnh đạo Trường Đại học Tây Nguyên						
1	Chủ tịch HĐ trường	Lê Đức Niêm	1972	PGS.TS	0964061111	leniem@gmail.com
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Trúc	1979	TS	0905467699	nttruc@ttu.edu.vn
3	Hiệu phó	Trần Trung Dũng	1963	GVCC. PGS.TS		ttdung@ttu.edu.vn
4	Hiệu phó	Nguyễn Văn Nam	1967	GVCC. PGS.TS	0766789268	nvnam@ttu.edu.vn
Lãnh đạo chủ chốt khoa KHTN&CN						
I. Lãnh đạo khoa						
1.	Trưởng khoa	Nguyễn Văn Bồng	1978	TS	0914111101	nvbong@ttu.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Phạm Hữu Khánh	1976	GVC.TS	0985582920	phkhanh@ttu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn						
1.	Bí thư chi bộ	Nguyễn Văn Bồng	1978	TS	0905851851	nguyenthanhhung@ttu.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn khoa	Nguyễn Thị Như	1979	ThS	0906200625	ntnphu@ttn.edu.vn
3	Bí thư Đoàn	Nguyễn Quốc Cường	1985	ThS	0973303109	nqcuong@ttn.edu.vn

	thành niên					
III. Các phòng, ban						
1.	Trưởng phòng Đào tạo đại học	Nguyễn Phương Đại Nguyên	1979	GVCC. PGS.TS	0914032103	Nguyendhtn @gmail.co m
2	Trưởng phòng QLSV	Phạm Trọng Lượng	1976	TS	0915855887	luonganthro 76@gmail.c om
3	Trưởng phòng Khoa học và HTQT	Văn Tiến Dũng	1963	GVCC. PGS.TS	0914075140	dungdhtn@ gmail.com
4	Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Lê Thế Phiệt	1978	TS		ltphiet@ttn. edu.vn
5	Giám đốc Trung tâm Thư viện	Nguyễn Thị Giang	1977	ThS	0907699772	vtgiang@ttn .edu.vn
6	Giám đốc Trung tâm hỗ trợ HSSV	Bùi Ngọc Tân	1979	ThS		bntan@ttn.e du.vn
IV.	Trưởng các bộ môn					
1.	Toán	Dương Quốc Huy	1985	GVC. TS	0905616183	dqhuy@ttn. edu.vn

I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	3	8	11
I.1	Cán bộ trong biên chế	3	8	11
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	5	0	5
	Tổng số	8	8	16

Thông kê, phân loại GV

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	0	0	2	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	8	3	0	0	5	0
5	Thạc sĩ	6	5	0	0	1	0
6	Đại học	1	1	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	17	9	0	0	8	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 9 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 0.82

Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	2	0	0	0	2	0	2
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	8	3	0	0	5	0	8
5	Thạc sĩ	1	6	5	0	0	1	0	5.2
6	Đại học	0,5	1	1	0	0	0	0	0.5
	Tổng		9	9	0	0	8	0	15.7

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	3	33.3	2	1	0	3	0	0	0
5	Thạc sĩ	5	55.6	0	5	0	5	0	0	0
6	Đại học	1	11.1	0	1	0	1	0	0	0
	Tổng	9	100	2	7	0	9	0	0	0

Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 34.7 tuổi

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 33.3

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 55.6

Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	66.7	88.9
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	33.3	11.1
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

Người học (chỉ tính số lượng người học của CTĐT)

Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	107	50	0,47	32	20.5	20.5	0
2016-2017	81	50	0,62	35	15.5	15.5	0
2017-2018	77	16	0,21	9	17	17	0
2018-2019	52	15	0,29	8	18	18	0
2019-2020	27	15	0,56	5	18.5	18.5	0

Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. NCS	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
3. SV đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	198	154	140	116	68
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4928	4928	4928	6008	8258
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	10/353	27/197	22/230	21/131	26/92
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	10/353	27/197	22/230	21/131	26/92

4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²
---	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	1		1
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV					

Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	74	36	24	42	23
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ

cấp bằng)

NCKH và chuyển giao công nghệ

Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	1	1	0	2
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	1	2	2	2	4,5
4	Tổng		2	1	3	3	3	6,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 6,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây: 0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
5	2020	0	0	0

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	9	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	3	
Trên 6 đề tài	0	0	1	
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	13	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	2	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	1	1	2
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	3	1	5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong

5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	6	3	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	1	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	60	7	3	0

Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	2	2	1	9	21
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	5	9	8	7	33
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	7	6	3	3	5	12
	Tổng		11	13	22	21	21	66

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 66

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	9	9
Từ 6 đến 10 bài báo	2	9	9

Từ 11 đến 15 bài báo	2	9	9
Trên 15 bài báo	1	7	7
Tổng số cán bộ tham gia	8	8	8

Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
12	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	2	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	1	1	2	2,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	4	0	2	1,5
4	Tổng		0	1	5	1	6	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 6

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	2	2
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	1	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	3	3

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

NCKH của người học

5.2.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	3	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	2	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

5.2.2. Thành tích NCKH của SV

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	1	0	0

Cơ sở vật chất, thư viện:

Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 268.765 m²

Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 268.765 m²

Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 160 m², Nơi học: 822.055,8m². Nơi vui chơi giải trí: 7.850 m²

Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 9.541 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,32 m²

Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

– Thư viện: 5.855

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 117

Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 04 máy

- Dùng cho người học học tập: 120 máy

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,11

Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 09

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 81,8

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 27,3

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 45,5

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 68

Tỷ số người học chính quy trên GV: 5,5

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 80%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 70,4

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 29,6

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4,7

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,4

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,2

7. CSVC:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 8,29 %

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 9646/8071 (119,51 %)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 110% (Phòng ký túc xá nhiều hơn nhu cầu người ở)

Phụ lục 2. Quyết định hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
Số: 1156/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 22/ tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
ngành Sư phạm Hóa học, trường Đại học Tây Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-ĐHTN-QLCL ngày 04/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng khoa KHTN&CN và Trưởng phòng Quản lý chất lượng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập "Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, trường Đại học Tây Nguyên", gồm các viên chức có tên trong danh sách các phụ lục kèm theo.

Điều 2. - Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công; Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Lãnh đạo các đơn vị liên quan và các viên chức có tên trong danh sách phụ lục tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB (S15b).



TS. Nguyễn Khánh Trúc

Phụ lục I

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	PGS-TS. Nguyễn Văn Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3	TS. Nguyễn Văn Bồng	Phó Trưởng Khoa (PTC)	Phó Chủ tịch HĐ
4	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng BM Hóa	Thư ký
5	TS. Phạm Hữu Khánh	PTP. Đào tạo Đại học	Thành viên
6	PGS-TS. Lê Đức Niêm	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
7	PGS-TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8	ThS. Huỳnh Văn Quốc	TP. Quản lý chất lượng	Thành viên
9	TS. Nguyễn Đình Sỹ	PTP. KH&QHQT	Thành viên
10	ThS. Phạm Quốc Duy	PTP. Cơ sở vật chất	Thành viên
11	ThS. Ngô Thị Hiếu	PTP. Tổ chức cán bộ	Thành viên
12	TS. Phạm Trọng Lượng	TP. Công tác sinh viên	Thành viên
13	ThS. Dương Quốc Huy	Phó trưởng BM Toán	Thành viên
14	TS. Lê Minh Tân	Trưởng BM Lý	Thành viên
15	TS. Phan Tứ Quý	Giảng viên	Thành viên
16	ThS. Phạm Thị Bé	Giảng viên	Thành viên
17	ThS. Ninh Thị Minh Giang	Giảng viên	Thành viên
18	ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	Giảng viên	Thành viên
19	ThS. Đinh Thị Xuân Thảo	Giảng viên	Thành viên
20	ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Giảng viên	Thành viên
21	SV. Đinh Thị Phương Hiền	Sinh viên	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người)

Phụ lục II
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1156/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng Bộ môn	Trưởng Ban
2	CN. Trần Văn Tài	CV. Phòng ĐTDH	Thành viên
3	CN. Trần Minh Trí	CV. Phòng QLCL	Thành viên
4	ThS. Đặng Thị Thuý My	Giảng viên BM Hóa	Thành viên
5	KTV. Đoàn Thị Cơ Thường	KTV. BM Hóa	Thành viên
6	KTV. Nguyễn Thế Mạnh	KTV. BM Hóa	Thành viên
7	CN. Hoàng Phạm Hùng Quang	Trợ lý khoa	Thành viên

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Nhóm	Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TC 1 và 2	TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm
		ThS. Đàm Thị Bích Hạnh	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Giảng viên	Thành viên
		KTV. Nguyễn Thế Mạnh	Kỹ thuật viên	Thành viên
2	TC 3 và 4	ThS. Đinh Thị Xuân Thảo	Giảng viên	Trưởng nhóm
		ThS. Ninh Thị Minh Giang	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Phan Thị Thu Hà	Giảng viên	Thành viên
		KTV. Nguyễn Thế Mạnh	Kỹ thuật viên	Thành viên
3	TC 5 và 6	TS. Phan Tứ Quý	Giảng viên	Trưởng nhóm
		ThS. Đặng Thị Thuý My	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Phan Thị Thu Hà	Giảng viên	Thành viên
		KTV. Đoàn Thị Cơ Thường	Kỹ thuật viên	Thành viên
4	TC 7 và 8	ThS. Đặng Thị Thuý My	Giảng viên	Trưởng nhóm
		CN. Hoàng Phạm Hùng Quang	Trợ lý khoa	Thành viên
		ThS. Ninh Thị Minh Giang	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Phạm Thị Bé	Giảng viên	Thành viên
5	TC 9, 10 và 11	ThS. Phạm Thị Bé	Giảng viên	Trưởng nhóm
		TS. Ngũ Trường Nhân	Phó trưởng Bộ môn	Thành viên
		TS. Phan Tứ Quý	Giảng viên	Thành viên
		ThS. Phạm Thị Huyền Thoa	Giảng viên	Thành viên
		KTV. Đoàn Thị Cơ Thường	KTV. BM Hóa	Thành viên

Phụ lục 2.
KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng. Thời gian tự đánh giá từ năm học 2016–2020.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo ngành Sư phạm Hóa học ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: CV số 769/QLCL- KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Cục quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thành lập theo Quyết định số 1156/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 6 năm 2020 của trường Đại học Tây Nguyên, Hội đồng gồm có 21 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	TC1, TC2	Nhóm 1	Tháng 9 – 11/2020	
2.	TC3, TC4	Nhóm 2	Tháng 9 – 11/2020	
3.	TC5, TC6	Nhóm 3	Tháng 9 – 11/2020	
4.	TC7, TC8	Nhóm 4	Tháng 9 – 11/2020	
5.	TC9, TC10, TC11	Nhóm 5	Tháng 9 – 11/2020	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, CSVC và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần huy động/ cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2	Rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT Lập danh mục minh chứng Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 1, 2	Thành viên nhóm 1. GV Khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	
		Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 1, 2 Thu thập minh chứng bổ sung	Thành viên nhóm 1 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	

2	3, 4	Rà soát cấu trúc và nội dung CTĐT, phương pháp dạy và học Lập danh mục minh chứng Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 3,4	Thành viên nhóm 2 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 11/9/2020 đến 15/10/2020	
		Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 3, 4 Thu thập minh chứng bổ sung	Thành viên nhóm 2 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	
3	5, 6	Rà soát phương pháp và các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học Rà soát về kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập Thống kê danh sách đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Kiểm tra sơ đồ tổ chức khoa, bộ môn	Thành viên nhóm 3 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

		Rà soát bảng mô tả công việc đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Kiểm tra hồ sơ, bằng cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Rà soát công tác dự giờ, kiểm tra giờ dạy, kiểm tra chương trình dạy, đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên Lập danh mục minh chứng Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 5, 6			
		Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 5, 6 Thu thập minh chứng bổ sung	Thành viên nhóm 3 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	
4	7,8	Thống kê danh sách đội ngũ nhân viên Rà soát bảng mô tả công việc đội ngũ nhân viên Kiểm tra hồ sơ, bằng cấp, hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên	Thành viên nhóm 4 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

		Rà soát công tác tuyển sinh Thống kê các báo cáo về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, Đoàn, hội...của người học Rà soát công tác tư vấn học tập, đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng chuẩn đầu ra của người học Lập danh mục minh chứng Tập hợp minh chứng của tiêu chuẩn 7, 8	chứng: phòng Đào tạo, phòng TCCB, phòng QLCL, khoa		
		Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 7, 8 Thu thập minh chứng bổ sung	Thành viên nhóm 4 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng TCCB, phòng QLCL, khoa	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	
5	9,10,11	Thống kê CSVC, trang thiết bị Rà soát và tập hợp số liệu về ý kiến phản hồi về CSVC, trang thiết bị	Thành viên nhóm 5 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học	Từ 7/9/2020 đến 15/10/2020	

	Rà soát hoạt động đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học. Rà soát hoạt động đánh giá và cải tiến quá trình dạy và học, hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan Tập hợp số liệu về ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ Thống kê số lượng SV thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm Thống kê các NCKH của GV và người học Lập danh mục minh chứng Tập hợp minh chứng tiêu chuẩn 9, 10, 11	Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào tạo, phòng QLCL, phòng KH&QHQT		
	Viết báo cáo tự đánh giá tiêu chuẩn 9, 10, 11 Thu thập minh chứng bổ sung	Thành viên nhóm 5 GV khoa KHTN&CN, bộ môn Hóa học Đơn vị phối hợp cung cấp minh chứng: phòng Đào	Từ 16/10/2020 đến 15/11/2020	

			tạo, phòng QLCL, phòng KH&QHQT		
--	--	--	--------------------------------------	--	--

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nguồn cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2	Khảo sát nhu cầu thị trường lao động Khảo sát lấy ý kiến đơn vị tuyển dụng, cựu SV về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPHH	Các đơn vị tuyển dụng Cựu SV ngành SPHH	Từ 1/2021 đến 3/2021	
2	10, 11	Khảo sát đơn vị tuyển dụng, cựu SV, SV ngành SPHH về chất lượng CTĐT, chất lượng SV ra trường, về tình hình việc làm	Các đơn vị tuyển dụng SV và cựu SV ngành SPHH	Từ 1/2021 đến 3/2021	

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Hiện tại, ngành SPHH chưa có kế hoạch thuê chuyên gia. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sẽ bổ sung sau.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 6 - 8 tháng), theo lịch trình tham khảo sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (15/7/2020 đến 30/7/2020)	- Họp Lãnh đạo Khoa và Bộ môn Hóa học để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa, thư kí chương trình và các nhóm chuyên trách. - Dựa trên đề xuất nhân sự của ban chủ nhiệm khoa, Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá cấp khoa; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT cấp khoa.
Tuần 3 – 4 (01/8/2020 đến 16/8/2020)	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT. - Khoa tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn Bộ giáo dục và Đào tạo. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
	Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tuần 5 – 10 (17/8/2020 đến 28/9/2020)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Sản phẩm: Phụ lục 3 - Lập dự thảo cho phiếu đánh giá tiêu chí Sản phẩm: Phụ lục 4a (dạng dự thảo) - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Họp hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa để rà soát lại các phiếu phân tích tiêu chí và các dự kiến minh chứng theo tiêu chí Sản phẩm: 50 phiếu phân tích tiêu chí tìm thông tin minh chứng (Phụ lục 3)
Tuần 9 – 15 (29/9/2020 đến 15/11/2020)	- Các nhóm công tác chuyên trách hoàn thiện phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a) - Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Sản phẩm: Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a)
Tuần 16-17 (16/11/2020 đến 30/11/2020)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa để: Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;

Thời gian	Các hoạt động
	• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT. Sản phẩm: Danh mục minh chứng hoàn chỉnh cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn
Tuần 18-19 (01/12/2020 đến 15/12/2020)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa, cách hành văn. 2. Các nhóm chuyên trách viết dự thảo báo cáo lần 1 (dựa trên phụ lục 4a)
Tuần 20-21 (16/12/2020 đến 30/12/2020)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 2. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Nhà trường và khoa KHTN&CN. 3. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, GV, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá. 4. Hội đồng tự đánh giá cấp khoa họp để bổ sung và hoàn thiện báo cáo theo góp ý và phản biện
Tuần 22-24 (04/01/2021 đến 25/01/2021)	1. Các nhóm chuyên trách chỉnh sửa báo cáo theo góp ý 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hội đồng tự đánh giá cấp Trường để xem xét.
Tuần 25-26	1. Thư ký chương trình gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho hội đồng đánh giá cấp trường.

Thời gian	Các hoạt động
(26/01/2021 đến 05/02/2021)	2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài
Tuần 27-30 (06/02/2021 đến 06/03/2021) (2 tuần nghỉ tết)	Hội đồng cấp trường tổ chức đánh giá đồng cấp
Tuần 31-33 (07/03/2021 đến 27/03/2021)	1. Các nhóm chuyên trách sửa báo cáo sau đánh giá đồng cấp 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT cấp khoa rà soát, kiểm tra báo cáo
Tuần 34 (28/03/2021 đến 04/04/2021)	Chuẩn bị hồ sơ và chuẩn bị đánh giá ngoài

Nơi nhận:

HIỆU TRƯỞNG

- Các đơn vị;
- Lưu Văn Thư; p.QLCL, BM Hóa học